



CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU
THIEN NAM

Mã CK: TNA

A stylized illustration of a city skyline with various skyscrapers in shades of blue, green, and purple, set against a background of geometric shapes and a grid pattern.

**BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2023**
Annual Report



www.thiennamgroup.vn



www.satthepthiennam.vn



www.thiennambuilding.vn



www.ssk.edu.vn

THÔNG TIN CHUNG

(Trang 4)

1. Thông tin khái quát
2. Lịch sử hình thành và phát triển
3. Các thành tích tiêu biểu
4. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
5. Các sản phẩm nổi bật
6. Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
7. Định hướng phát triển
8. Rủi ro trong quá trình hoạt động

Tổ chức nhân sự

(Trang 26)

1. Danh sách Hội đồng quản trị
2. Danh sách Ban Điều hành
3. số lượng cán bộ, nhân viên
4. Chính sách nhân sự

Tình hình hoạt động kinh doanh

(Trang 40)

1. Danh sách Hội đồng quản trị
2. Danh sách Ban Điều hành
3. số lượng cán bộ, nhân viên
4. Chính sách nhân sự

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD

(Trang 56)

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh
2. Tình hình tài chính
3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý
4. Kế hoạch phát triển trong tương lai
5. Giải trình của Ban Tổng giám đốc đối với ý kiến kiểm toán
6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

(Trang 68)

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty
2. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban điều hành
3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

QUẢN TRỊ CÔNG TY

(Trang 72)

1. Hội đồng quản trị
2. Ủy ban kiểm toán
3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc, Ủy ban kiểm toán

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

(Trang 82)



THÔNG TIN CHUNG

01

Thông tin khái quát

Quá trình hình thành và phát triển

Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

Mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

Định hướng phát triển

Các rủi ro trong quá trình hoạt động

THIEN NAM GROUP





CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Tên Tiếng Việt	: Công ty Cổ phần Thương Mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam
Tên giao dịch	: Thiên Nam Group
Tên tiếng Anh	: Thien Nam Trading Import & Export JSC
Giấy chứng nhận ĐKDN	: Số 0301172041 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hồ Chí Minh cấp ngày 01/11/2000, cấp lần thứ 26 ngày 16/02/2023.
Mã cổ phiếu	: TNA

Vốn điều lệ	: 495.762.640.000 đồng
Địa chỉ	: 111-121 Ngô Gia Tự, Phường 02, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh
Số điện thoại	: (028) 3834.8980
Số fax	: (028) 3834.8983
Website	: thiennamgroup.vn

Logo



2000

Ngày 01/11/2000, Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam được chuyển đổi thành công ty cổ phần, là doanh nghiệp thương mại dịch vụ cấp Quận đầu tiên của Tp. Hồ Chí Minh thực hiện chủ trương của Chính phủ về việc cổ phần hóa doanh nghiệp nhà nước.



2017 - 2019

Phát hành 2.487.390 cổ phiếu thưởng. Tăng vốn điều lệ lên 125.921.670.000 đồng. Thành lập Công ty CP Phát triển KD TM Sài Gòn 168 (Thiên Nam Land).

Thành lập công ty cổ phần Đầu tư giáo dục Thiên Nam với 68% vốn điều lệ thuộc Thiên Nam Group. Tăng vốn điều lệ lên 301.272.960.000 đồng. Tăng vốn điều lệ lên 345.940.600.000 đồng. Thành lập Công ty Cổ phần Nahaviwel với 65% vốn điều lệ thuộc Thiên Nam Group.



2005

Ngày 20/07/2005, Cổ phiếu Thiên Nam Group được niêm yết trên Sở giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh, với vốn điều lệ 13 tỷ đồng.



2020 - 2021

Tăng vốn điều lệ lên 397.308.840.000 đồng. Thay đổi Logo mới, nhận diện thương hiệu Thiên Nam Group. Điều chỉnh tỷ lệ góp vốn tại Thiên Nam Food: Thiên Nam Group sở hữu 51% vốn điều lệ.

Phát hành 9.845.380 cổ phiếu trả cổ tức năm 2020
Tăng vốn điều lệ lên 495.762.640.000 đồng.



2007 - 2009

Công ty đã phát hành thành công 2 triệu cổ phiếu, tăng vốn điều lệ lên 33 tỷ đồng.

doanh thu của Công ty vượt trên 700 tỷ đồng đạt top 500 doanh nghiệp tư nhân lớn nhất Việt Nam. Thành lập Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam do Thiên Nam sở hữu 80% vốn điều lệ



2022

Xây dựng nhà máy Nahaviwel. Điều chỉnh tỷ lệ góp vốn tại Thiên Nam Land: Thiên Nam Group sở hữu 47,53% vốn điều lệ.



2010 - 2016

Khánh thành Tòa nhà Trung tâm Thương mại và Văn phòng tại số 277B Cách Mạng Tháng Tám, phường 12, Quận 10.

Phát hành 2.104.777 cổ phiếu thưởng. Tăng vốn điều lệ lên 101.047.770.000đ. Doanh thu vượt 3.000 tỷ đồng, lợi nhuận trên 100 tỷ đồng.



2023

Khai trương Trung tâm Kinh doanh Sắt thép Đồng Nai. Điều chỉnh tỷ lệ góp vốn tại Công ty Cổ phần Nahaviwel: Thiên Nam Group sở hữu 94,5% vốn điều lệ.



Ngành nghề kinh doanh

Công ty hoạt động dựa trên 05 ngành nghề chính.



Kinh doanh sắt thép

Sắt thép là một trong 5 ngành kinh doanh chủ lực của Thiên Nam Group. Đây cũng là ngành nghề có lịch sử lâu dài và tạo nên thương hiệu của Thiên Nam hiện nay. Sắt thép Thiên Nam hiện nay là nhà cung cấp hàng đầu chuyên cung cấp nhiều chủng loại sản phẩm sắt thép, vật liệu que hàn cho các ngành công nghiệp thép, cơ sở hạ tầng, xây dựng...

Bất động sản

Cho thuê văn phòng và các dự án bất động sản cũng là một trong những lĩnh vực kinh doanh chính của Thiên Nam.

Gồm các hệ thống tòa nhà văn phòng cho thuê hiện đại cùng với các trang thiết bị nội thất cao cấp và các dịch vụ tiện ích mang đến môi trường văn phòng chuyên nghiệp. Phát triển, đầu tư các dự án đất nền, khu phức hợp



Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực thương mại thép và kinh doanh bất động sản. Công ty đang sở hữu hơn 10 mặt bằng ở nhiều vị trí khác nhau trong thành phố Hồ Chí Minh, và đang thực hiện đầu tư xây dựng cao ốc văn phòng bán và cho thuê.

Kinh doanh điện máy

Không chỉ dừng lại ở những ngành kinh tế chủ lực lâu đời, Thiên Nam đang dần mở rộng phạm vi kinh doanh thêm nhiều lĩnh vực khác. Trong đó có hoạt động trong lĩnh vực Điện máy: nhà phân phối các sản phẩm điện máy uy tín từ những thương hiệu hàng đầu thế giới, cung cấp cho các dự án căn hộ cao cấp trên thị trường.



Giáo dục

Trong lĩnh vực Giáo dục, Thiên Nam Group mong muốn mang đến cho thế hệ những mầm non tương lai một môi trường phát triển lành mạnh, nuôi dưỡng tố chất của các bé ngay từ nhỏ. Thiên Nam Group đã thành lập Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam và Trường Mầm Non Song Ngữ South Sky Kindergaten – Ngôi Trường độc đáo áp dụng Triết lý Giáo dục Reggio Emilia.

Công nghệ phẩm - Thiên Nam food

Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam vào năm 2009.

Mang những sản phẩm Công nghệ Thực phẩm danh tiếng trên thế giới với chất lượng cao, mẫu mã sang trọng, giá cả phải chăng đến với người tiêu dùng Việt và cùng chung tay làm cho cuộc sống cộng đồng trở nên tốt đẹp hơn.



Vật liệu hàn

Công ty Cổ Phần NAHAVIWEL là nhà sản xuất Vật liệu hàn, nhà cung ứng trọn gói vật tư ngành hàn và cơ khí – điện hàng đầu Việt Nam. Hệ thống phân phối có mặt trên khắp các tỉnh thành ở Việt Nam và xuất khẩu ra 30 quốc gia trên thế giới.



Ngành nghề
Và địa bàn kinh doanh (tiếp theo)

Địa bàn kinh doanh

Công ty hoạt động chủ yếu ở Thành phố Hồ Chí Minh, Đồng Nai và Long An



Sơ đồ tổ chức



Các Công ty con, Công ty liên kết



CÔNG TY CỔ PHẦN
NAHAVIWEL

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, Lầu 10, số 111 - 112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp.HCM

Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất que hàn điện, dây hàn, vật liệu hàn, Bán buôn các loại máy móc, thiết bị và phụ tùng công nghiệp

Vốn điều lệ: 20.000.000.000 đồng (20 tỷ đồng)

Tỉ lệ sở hữu của Thiên Nam Group: 94,5% VĐL



CÔNG TY CỔ PHẦN
ĐẦU TƯ GIÁO DỤC THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, số 111 - 112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. HCM

Lĩnh vực kinh doanh: Phát triển dịch vụ liên quan đến giáo dục

Vốn điều lệ: 80.000.000.000 đồng (80 tỷ đồng)

Tỉ lệ sở hữu của Thiên Nam Group: 68% VĐL



CÔNG TY TNHH
CÔNG NGHỆ PHẨM THIÊN NAM

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, Lầu 10, số 111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. HCM

Lĩnh vực kinh doanh: Buôn bán, kinh doanh các mặt hàng công nghệ thực phẩm

Vốn điều lệ: 15.000.000.000 đồng (15 tỷ đồng)

Tỉ lệ sở hữu của Thiên Nam Group: 51% VĐL



CÔNG TY CỔ PHẦN PHÁT TRIỂN
KINH DOANH THƯƠNG MẠI SÀI GÒN 168

Địa chỉ: Tòa nhà Thiên Nam, Lầu 10, số 111 - 112 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp. HCM

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh bất động sản, Phân phối sỉ ngành hàng điện máy

Vốn điều lệ: 425.000.000.000 đồng (425 tỷ đồng)

Tỉ lệ sở hữu của Thiên Nam Group: 47,53% VĐL



**“ Kiến tạo thành công
Đồng hành phát triển ”**



Tầm nhìn

Thiên Nam Group luôn hướng đến mục tiêu trở thành một Doanh nghiệp nhận được nhiều sự tín nhiệm của khách hàng, nhà đầu tư và đối tác, xây dựng hình ảnh một Tập đoàn mạnh mẽ, luôn sẵn sàng cạnh tranh giữa không trung để vươn lên cao, vững vàng vượt lên mọi thử thách, để ngày càng phát triển và đạt được nhiều thành tựu mới.



Sứ mệnh

Cung cấp các sản phẩm, dịch vụ với chất lượng cao, khẳng định uy tín của thương hiệu Thiên Nam

Đáp ứng kỳ vọng và sự tin tưởng mà các cổ đông giao phó

Thực hiện đầy đủ trách nhiệm của doanh nghiệp đối với người lao động

Thực hiện các nghĩa vụ với Nhà nước và trách nhiệm với xã hội, cộng đồng



Giá trị cốt lõi

Chính trực: “Trung thực, Liêm chính, Ngay thẳng” trong ứng xử và trong tất cả các giao dịch.

Công bằng: có trách nhiệm hành xử Công bằng với: Nhân Viên; Khách Hàng; Nhà Cung Cấp; Các bên hữu quan.

Sáng tạo: tiên phong trong sáng tạo, luôn hướng tới Chân – Thiện – Mỹ là nền tảng của sự phát triển bền vững của TNA bằng chính: tư duy; hành động.

Thử thách: sẵn sàng thử thách, thử thách là cơ hội của động lực phát triển và thành công.

Trong quá trình hoạt động, TNA có thể đối mặt với các rủi ro sau:



Rủi ro pháp luật

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam là công ty đại chúng và niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh (HOSE), Công ty cần phải tuân thủ những quy định của Luật doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản dưới luật. Hành lang pháp lý của Việt Nam vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện, nên thường xuyên được cập nhật và đổi mới. Chính vì vậy, Công ty luôn phải theo dõi những sự thay đổi của quy định pháp luật để kịp thời điều chỉnh các hoạt động của Công ty, tránh những rủi ro về pháp luật không đáng có.

Rủi ro kinh tế

Theo Quỹ Tiền tệ Quốc tế (IMF), tăng trưởng kinh tế toàn cầu năm 2023 dự kiến đạt 3%, giảm 0,1 điểm phần trăm so với dự báo tháng 7/2023. Năm 2024, tăng trưởng kinh tế toàn cầu dự kiến tiếp tục giảm xuống 2,9%. WTO cũng nhận định rằng thương mại toàn cầu đang suy giảm trên diện rộng, phạm vi nhiều quốc gia và nhiều loại hàng hóa, điển hình như sắt, thép, hàng dệt may... Cụ thể, các nguyên nhân gây ra sự suy giảm này bao gồm: Tình trạng lạm phát cao kéo dài, kèm với tỉ giá USD tăng cao, khiến chi phí sản xuất tăng, làm giảm sức cạnh tranh của hàng hóa xuất khẩu; Chính sách tiền tệ tiếp tục xu hướng thắt chặt ở hầu hết các quốc gia, khiến lãi suất tăng, làm giảm nhu cầu tiêu dùng và đầu tư

Trước những khó khăn và thách thức trên, kinh tế Việt Nam vẫn duy trì đà tăng trưởng của Chính phủ. Theo Tổng cục thống kê, GDP năm 2023 ước tính tăng 5,05% so với năm trước, chỉ cao hơn tốc độ tăng 2,87% và 2,55% của các năm 2020 và 2021 trong giai đoạn 2011-2023. Năm 2023, tổng vốn FDI đăng ký và FDI thực hiện vào Việt Nam đều ghi nhận kết quả tích cực, lần lượt đạt 36,6 tỷ USD (+32,1%yoy) và 23,2 tỷ USD (+3,5%yoy). Đối với 2 ngành kinh doanh chính của Công ty, những vấn đề bất ổn liên quan đến thị trường chứng khoán, bất động sản, ngân hàng, trái phiếu,.. đã tác động không nhỏ gây ảnh hưởng nhiều đến ngành thép và bất động sản trong năm 2023. Mặc dù vậy, Chính phủ và Ngân hàng nhà nước đã đưa ra nhiều chính sách nhằm tháo gỡ khó khăn cho các doanh nghiệp nói chung, ngành Bất Động Sản nói riêng như: Giảm mặt bằng lãi suất cho vay; Ban hành chính sách cơ cấu lại thời hạn trả nợ và giữ nguyên nhóm nợ; Ban hành Thông tư số 10 sửa đổi Thông tư 06 đã gỡ khó về điều kiện vay vốn cho các doanh nghiệp bất động sản. Trước tình hình trên, Ban lãnh đạo Thiên Nam Group sẽ theo dõi sát sao những biến động của thị trường để kịp thời đưa ra chính sách phù hợp nhằm tối đa lợi ích cho Công ty.





Rủi ro tiền tệ

Năm 2023 là một năm khó khăn đối với kinh tế Việt Nam, với nhiều thách thức từ cả trong và ngoài nước. Trong đó, điểm mấu chốt là việc Cục Dự trữ Liên bang Mỹ (Fed) tiếp tục nâng lãi suất trong năm 2023 đã gây ra nhiều khó khăn cho việc điều hành chính sách tiền tệ của các quốc gia trên thế giới, bao gồm Việt Nam. Trong năm 2023, Ngân hàng Nhà nước đã điều hành giảm lãi suất để hỗ trợ, tháo gỡ khó khăn cho nền kinh tế thông qua việc liên tục điều chỉnh giảm 4 lần các mức lãi suất điều hành, với mức giảm 0,5-2,0%/năm. Việc điều chỉnh lãi suất của NHNN nhằm tiếp tục thực hiện chủ trương của Quốc hội, chỉ đạo của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về giảm mặt bằng lãi suất, hỗ trợ người dân và doanh nghiệp tăng khả năng tiếp cận vốn, góp phần phục hồi sản xuất kinh doanh. Đối với các động thái trên, để phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Thiên Nam Group cần chủ động nắm bắt thông tin, đưa ra các chiến lược kinh doanh cụ thể để tối đa các khoản chi phí cho doanh nghiệp. Ban Lãnh đạo và điều hành cần phải liên tục đánh giá lại các khoản vay, cân đối thời điểm nhập khẩu hàng tồn kho, để kịp thời để cân đối giữa nguồn vốn vay ngắn hạn tại ngân hàng và hàng tồn kho phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

Bên cạnh đó, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam đã chủ động điều hành tỷ giá thông qua dự trữ ngoại hối cũng như giá bán USD trong năm 2023 khá nhỉnh nhàng là một thành tựu giúp cho tỷ giá không biến động quá lớn trong một năm đầy thử thách. Thiên Nam Group là một doanh nghiệp thương mại thép, chủ yếu nhập khẩu thép từ nước ngoài. Do đó, biến động tỷ giá sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến chi phí nhập khẩu của Công ty. Khi tỷ giá ổn định, chi phí nhập khẩu của Công ty sẽ được giảm thiểu, giúp cho hoạt động kinh doanh của Thiên Nam được ổn định hơn.

Rủi ro ngành kinh doanh Sắt - Thép

Sản lượng sản xuất và kinh doanh ngành thép năm 2023 giảm khi các doanh nghiệp ưu tiên tiêu thụ tồn kho khi nhu cầu ngành yếu từ diễn biến trầm lắng của ngành xây dựng và thị trường bất động.

Với chủ trương đẩy mạnh đầu tư công, nhu cầu tiêu dùng sắt thép sẽ phục hồi và tăng trưởng trong năm 2023. Điều này tạo cơ hội cho các doanh nghiệp ngành thép, trong đó có Thiên Nam Group, đẩy mạnh hoạt động kinh doanh.

Sản lượng xuất khẩu thép xây dựng cho thấy dấu hiệu hồi phục mạnh kể từ tháng 8/2023 trong bối cảnh Trung Quốc giảm dần cạnh tranh xuất khẩu thép xây dựng vào thời điểm cuối năm. Theo dự báo của WSA (Hiệp hội Thép thế giới), nhu cầu tiêu thụ thép toàn thế giới trong năm 2023 hồi phục nhẹ ở mức 1.8% và tăng trưởng 1.9% vào năm 2024. Bên cạnh đó, Thị trường xây dựng Bất Động Sản (chiếm 60% nhu cầu thép) đang dần được tháo gỡ khó khăn nhờ những chính sách sửa đổi. Số dự án đang triển khai cho thấy sự tăng trưởng rõ rệt tại miền Bắc và có sự phục hồi tại khu vực miền Nam. Điều này giúp cho nhu cầu tiêu thụ vật liệu xây dựng có thể hồi phục trong các quý tới. Trước cơ hội thị trường phục hồi, Thiên Nam Group cần nắm bắt thời cơ và tiếp tục giữ vững các chiến lược kinh doanh. Cụ thể, Công ty cần nâng cao chất lượng quản trị và điều hành, cắt giảm chi phí không cần thiết, và theo dõi chặt chẽ diễn biến của kinh tế vĩ mô và chính sách đầu tư công để đưa ra dự báo thị trường và giá thép.





Các rủi ro

Trong quá trình hoạt động (tiếp theo)

Rủi ro ngành kinh doanh Bất động sản

Mặc dù nửa đầu năm 2023, toàn ngành đã phải đối diện với nhiều khó khăn như xu hướng cắt giảm quy mô, di dời sang mặt bằng có giá rẻ hơn, hay trả lại mặt bằng hoàn toàn của các doanh nghiệp. Thêm vào đó, trường hợp doanh nghiệp có tài chính tốt cũng ưu tiên phương án gia hạn mặt bằng văn phòng hiện tại nhằm tiết kiệm chi phí và thời gian thiết lập văn phòng mới. Tuy nhiên, theo Báo cáo Thị trường Bất động sản Việt Nam Q3/2023 của Savills, phân khúc bất động sản thương mại tiếp tục hoạt động tốt. Thị trường văn phòng Việt Nam ghi nhận công suất thuê cao hơn với mức giá thấp hơn so với hầu hết các thị trường khác trong khu vực. Ngành bán lẻ hoạt động ổn định, ghi nhận nhiều thương hiệu lớn trong nước và quốc tế đang tìm cách mở rộng hoặc gia nhập thị trường Việt Nam. Vì vậy, trước cơ hội thị trường phục hồi, Thiên Nam Group cần nắm bắt thời cơ và tiếp tục giữ vững các chiến lược kinh doanh. Để đảm bảo tỷ lệ lấp đầy của tòa nhà, Thiên Nam Group cần xây dựng nhiều chương trình khuyến mãi trong năm, hoặc cung cấp nhiều ưu đãi khi thi công thiết kế văn phòng cho khách thuê mới.

Rủi ro khác

Ngoài những rủi ro đã được đề cập ở trên, Công ty còn có thể đối mặt với rủi ro bất khả kháng như thiên tai, lũ lụt hay hỏa hoạn,... Mặc dù các rủi ro trên không xảy ra thường xuyên, nhưng tác động rất lớn đến quá trình hoạt động kinh doanh của Công ty. Vì vậy, các doanh nghiệp toàn ngành nói chung và Công ty nói riêng cần tập huấn cán bộ công – nhân viên trong doanh nghiệp các biện pháp phòng chống thiên tai, tránh để tổn thất về người và của. Thực hiện mua bảo hiểm thiên tai cũng là điều Công ty cần lưu ý khi hoạt động để phòng ngừa rủi ro và phục hồi sau thiệt hại.



TỔ CHỨC NHÂN SỰ

02

- Danh sách Hội đồng quản trị
- Danh sách Ban điều hành
- Những thay đổi của Ban điều hành trong năm
- Số lượng cán bộ, nhân viên
- Chính sách nhân sự



THIEN NAM GROUP



Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Ghi chú (Thành viên độc lập/ điều hành/không điều hành)	Số cổ phiếu và tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch	Không điều hành	8.559.569 cổ phần, tỷ lệ 17,27% VĐL
2	Hồ Văn Tuyên	Thành viên	Độc lập không điều hành	210.000 cổ phần - tỷ lệ 0,42% VĐL
3	Nguyễn Minh Thư	Thành viên	Điều hành	102.000 cổ phần, tỷ lệ 0,21% VĐL
4	Trần Thị Hiền	Thành viên	Không điều hành	3.121.956 cổ phần, tỷ lệ 6,30% VĐL
5	Nguyễn Trần Thảo Hương	Thành viên	Không điều hành	3.960.159 cổ phần, tỷ lệ 7,99% VĐL



Thay đổi trong Hội đồng quản trị

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	Nguyễn Minh Thư	23/06/2023	-
2	Nguyễn Trần Thảo Hương	23/06/2023	-
3	Vương Quang Diệu	-	23/06/2023

01

ÔNG NGUYỄN QUANG HÒA

Chủ tịch Hội đồng quản trị



- Năm sinh: 1968
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học thể dục thể thao
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch HĐQT
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty CP TM-DV Thiên Nam Hòa, Chủ tịch HĐQT Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam, Thành viên HĐQT Công ty CP PT KD TM Sài Gòn 168, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đầu tư giáo dục Thiên Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Nahaviwel
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 8.559.569 cổ phần, chiếm 17,27% VĐL
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan: 11.880.602 cổ phần - chiếm 23,96% vốn điều lệ

02 **BÀ TRẦN THỊ HIỀN** Thành viên Hội đồng quản trị



- Năm sinh: 1978
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Đại học Kinh tế - Kế toán
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần TM DV Đầu Tư Trí Việt, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Bách Hóa Miền Nam, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Hàng Công Nghiệp, Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần Xây Dựng Thương Mại Dịch Vụ TN9, TV HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển nhà Vũng Tàu
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 3.121.956 cổ phần, chiếm 6,30% VDL
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan: Không có

03 **ÔNG HỒ VĂN TUYÊN** Thành viên Hội đồng quản trị độc lập



- Năm sinh: 1972
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế trường Đại học Kinh tế TP.HCM, Th.S Quản trị Kinh doanh Đại học Gloucestershire – UK, Ts. Quản trị Kinh Doanh (DBA) International American University – US, Th.S Tài chính và Giám đốc tài chính - Chương trình min MBA-AAFM
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Chủ tịch HĐQT tại Công ty Cổ phần Đầu tư RIM, Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Nhựa Rạng Đông
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 210.000 cổ phần - chiếm 0,42% VDL
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan: Không có



Danh sách

Hội đồng quản trị (tiếp theo)

04

ÔNG NGUYỄN MINH THƯ

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc



- Năm sinh: 1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT, Phó Tổng giám đốc
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Thành viên HĐQT Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168, Thành viên HĐQT Công ty CP Nahaviwel.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 102.000 cổ phần - chiếm 0,21% VĐL
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan: Không có

05

BÀ NGUYỄN TRẦN THẢO HƯƠNG

Thành viên Hội đồng quản trị



- Năm sinh: 1998
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Thành viên HĐQT
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: không có
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 3.960.159 cổ phần - chiếm 7,99% VĐL
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan: 16.050.984 cổ phần - chiếm 33,24% VĐL

Danh sách thành viên Ban điều hành

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Chức vụ	Số cổ phiếu và tỷ lệ sở hữu
1	Nguyễn Minh Thư	Phó Tổng Giám đốc	102.000 cổ phần, tỷ lệ 0,21% VDL
2	Phạm Viết Đạt	Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính	100.500 cổ phần, tỷ lệ 0,20% VDL

Thay đổi trong Ban điều hành

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	Vương Quang Diệu	-	26/06/2023

01

ÔNG NGUYỄN MINH THƯ

Thành viên Hội đồng quản trị, Phó Tổng Giám đốc

Xem tại phần Sơ yếu lý lịch của Thành viên Hội đồng quản trị

02

ÔNG PHẠM VIẾT ĐẠT

Kế toán trưởng

- Năm sinh: 1974
- Quốc tịch: Việt Nam
- Trình độ văn hóa: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế ngành Tài chính Doanh Nghiệp
- Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng kiêm Giám đốc tài chính
- Chức vụ hiện nay tại tổ chức khác: Không có.
- Số cổ phần cá nhân nắm giữ hiện nay: 100.500 cổ phần - chiếm 0,20% tổng số CP có quyền BQ
- Số cổ phần nắm giữ tại thời điểm hiện nay của người có liên quan: Không có



STT	Tiêu chí	Năm 2023	
		Số lượng (người)	Tỷ trọng (%)
I	Theo trình độ lao động	73	100%
1	Trình độ Đại học và trên Đại học	45	61,64%
2	Trình độ Cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp	11	15,07%
3	Sơ cấp và Công nhân kỹ thuật	5	6,85%
4	Lao động phổ thông	12	16,44%
II	Theo giới tính	73	100%
1	Nam	48	65,75%
2	Nữ	25	34,25%
III	Theo thời hạn HĐLĐ	73	100%
1	Hợp đồng ngắn hạn dưới 1 năm	2	2,74%
2	Hợp đồng có thời hạn 1 đến 3 năm	22	30,14%
3	Hợp đồng không xác định thời hạn	49	67,12%
IV	Theo cấp quản lý	73	100%
1	Quản lý cấp cao	4	5,48%
2	Quản lý cấp trung	7	9,59%
3	Quản lý cấp chi nhánh	2	2,74%
4	Chuyên viên, nhân viên	60	82,19%
V	Theo độ tuổi	73	100%
1	Từ 18 đến 25 tuổi	1	1,37%
2	Từ 26 đến 35 tuổi	21	28,77%
3	Từ 36 đến 45 tuổi	26	35,62%
4	Trên 45	25	34,25%
TỔNG CỘNG		73	100%

Thu nhập bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	Năm 2023
Tổng số lượng người lao động (người)	73	72	73
Thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	23.411.160	23.722.967	13.199.842



Đại hội công đoàn cơ sở Công ty CP TM - XNK Thiên Nam năm 2025 nhiệm kỳ 2023 - 2028



Lễ kỷ niệm 23 năm ngày thành lập Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam 01/11/2000 - 01/11/2023 **"23 năm GẮN KẾT NIỀM TIN"**



Chính sách đãi ngộ và phúc lợi

Công ty Thiên Nam luôn đề cao việc xây dựng chính sách đãi ngộ và phúc lợi toàn diện nhằm đảm bảo quyền lợi và lợi ích chính đáng cho đội ngũ cán bộ công nhân viên (CBNV). Mục tiêu của chúng tôi là tạo sự gắn kết lâu dài, đồng thời khơi dậy tinh thần cống hiến và gắn bó của mỗi thành viên trong đại gia đình Thiên Nam. Về chính sách đãi ngộ, Thiên Nam áp dụng hệ thống thưởng dựa trên năng suất làm việc. Điều này đảm bảo tính công bằng, minh bạch và tạo động lực cho CBNV nỗ lực hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Ngoài ra, công ty còn có các chế độ thưởng khác như thưởng Lễ Tết, thưởng thâm niên, thưởng thành tích...



Về phúc lợi, Thiên Nam luôn quan tâm đến sức khỏe và đời sống tinh thần của CBNV. Chúng tôi tổ chức khám sức khỏe định kỳ hàng năm, đồng thời tạo điều kiện cho CBNV tham gia các hoạt động thể thao, văn hóa, giải trí nhằm nâng cao sức khỏe và tinh thần.

Bên cạnh đó, công ty còn thường xuyên tổ chức các buổi họp mặt sinh nhật, các hoạt động teambuilding, du lịch nghỉ dưỡng... nhằm tăng cường sự gắn kết giữa các thành viên, tạo nên một môi trường làm việc thân thiện, năng động và đầy nhiệt huyết.

Chính sách tuyển dụng

Tại Thiên Nam, chúng tôi xây dựng chính sách tuyển dụng riêng biệt cho từng vị trí công việc. Nhờ vậy, quy trình tuyển dụng có thể tập trung đánh giá những năng lực và phẩm chất phù hợp nhất cho từng yêu cầu cụ thể của vị trí. Với quy trình tuyển dụng chặt chẽ và kỹ lưỡng, chúng tôi đảm bảo tuyển dụng được những ứng viên xuất sắc nhất, đáp ứng đầy đủ các tiêu chí về năng lực, kinh nghiệm và thái độ làm việc



Chính sách đào tạo và phát triển nhân viên

Tại Thiên Nam, Công ty luôn chú trọng vào việc phát triển năng lực của đội ngũ nhân viên thông qua các chương trình đào tạo chuyên nghiệp và bài bản. Ngay sau khi được tuyển dụng, mỗi nhân viên sẽ được tham gia vào chương trình đào tạo được thiết kế riêng biệt dựa trên chuyên ngành và kỹ năng mềm cần thiết cho vị trí công việc. Các chương trình đào tạo này được xây dựng dựa trên sự kết hợp hài hòa giữa lý thuyết và thực tế, giúp nhân viên nhanh chóng nắm vững kiến thức chuyên môn và kỹ năng cần thiết để đáp ứng yêu cầu công việc.

Bên cạnh đó, Thiên Nam còn thường xuyên tổ chức các khóa đào tạo ngắn hạn về các kỹ năng mềm như kỹ năng giao tiếp, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng làm việc nhóm... nhằm giúp nhân viên nâng cao năng lực bản thân và hoàn thiện tố chất chuyên nghiệp. Với những chính sách đào tạo hiệu quả, Thiên Nam cam kết mang đến cho nhân viên môi trường phát triển năng lực tối ưu. Nhờ đó, mỗi nhân viên đều có cơ hội phát huy tối đa tiềm năng của bản thân và đóng góp tích cực cho sự phát triển chung của công ty.



Chính sách an toàn, bảo hộ lao động

Tại Thiên Nam, an toàn của nhân viên luôn là ưu tiên hàng đầu. Công ty cam kết đảm bảo môi trường làm việc an toàn và lành mạnh cho tất cả nhân viên bằng cách: Cung cấp đầy đủ các trang thiết bị cần thiết cho công việc; Văn phòng được trang bị đầy đủ hệ thống chiếu sáng, nguồn nước, máy móc, đồng phục, đồ bảo hộ lao động, văn phòng phẩm,... đáp ứng nhu cầu công việc của nhân viên; Trang bị đầy đủ các thiết bị phòng cháy chữa cháy như bình cứu hỏa, hệ thống báo cháy,... và tổ chức tập huấn phòng cháy chữa cháy định kỳ cho nhân viên; Thường xuyên kiểm tra, bảo dưỡng các thiết bị, máy móc; xây dựng và thực hiện các quy trình an toàn lao động; tổ chức tập huấn an toàn lao động cho nhân viên mới và nhân viên theo định kỳ. Ngoài ra, có chế độ khen thưởng cho những cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc trong công tác an toàn lao động. Với những nỗ lực này, Thiên Nam đã và đang tạo dựng môi trường làm việc an toàn, tin cậy, giúp nhân viên yên tâm cống hiến hết mình cho công việc.

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

03

Tình hình hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty



THIEN NAM GROUP



Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023 (*)	% Năm 2023/ Năm 2022
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	6.447.640	4.690.814	72,75%
2	Doanh thu thuần	6.447.221	4.690.386	72,75%
3	Giá vốn hàng bán	6.262.317	4.552.828	72,70%
4	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	184.904	137.558	74,39%
5	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	25.820	5.111	19,80%
6	Lợi nhuận trước thuế Thu nhập doanh nghiệp	26.814	3.767	14,05%

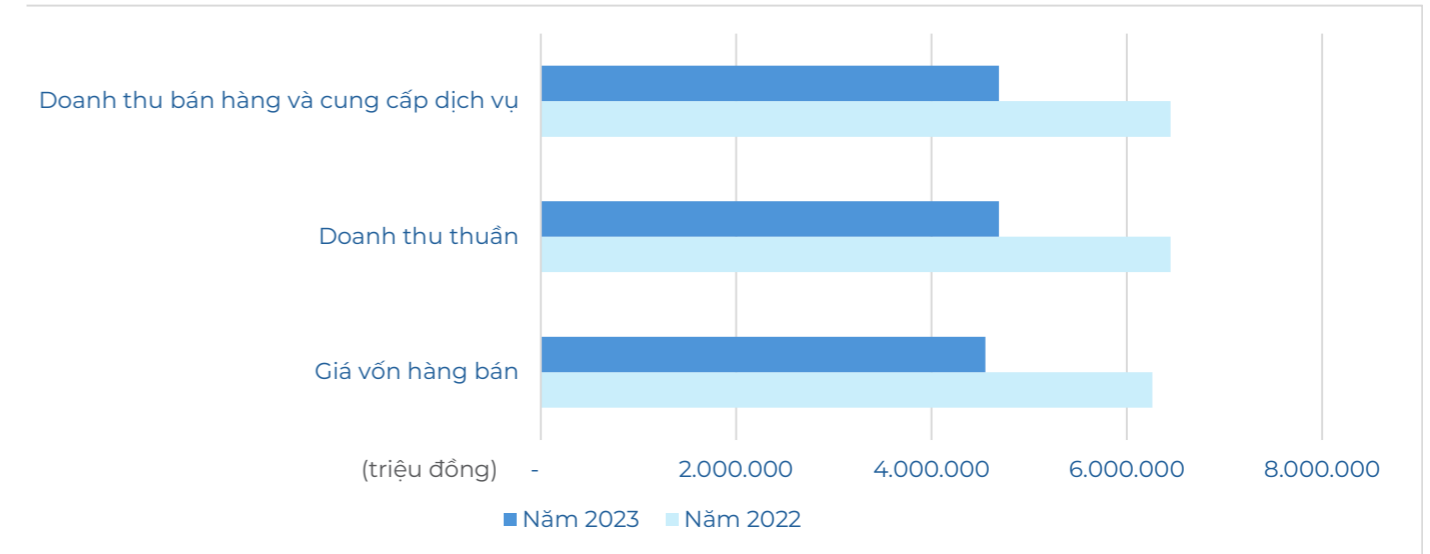
(*) Số liệu theo Báo cáo tài chính Quý IV năm 2023 (tự lập) của Công ty

Tình hình thực hiện so với kế hoạch

Đơn vị tính: triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023		Tỷ trọng thực hiện Năm 2023 so với	
			Kế hoạch	Thực hiện (*)	Thực hiện 2022	Kế hoạch 2023
1	Tổng doanh thu thuần và thu nhập khác	6.486.968	5.888.900	4.732.253	72,95%	80,36%
2	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	26.814	81.700	3.767	14,05%	4,61%

(*) Số liệu theo Báo cáo tài chính Quý IV năm 2023 (tự lập) của Công ty





Tình hình đầu tư

Tình hình thực hiện các dự án

Các khoản đầu tư lớn

1 Dự án **Rose Gardent**

Tên dự án	Rose Garden
Vị trí dự án	Đường Trương Văn Hải, Phường Hiệp Phú, TP. Thủ Đức
Tên nhà đầu tư	Công ty Cổ phần Xây dựng Thương mại Dịch vụ TN9 và Thiên Nam Land
Hình thức đầu tư	Hợp tác và phát triển dự án
Mục tiêu đầu tư	Chung cư và trường học
Quy mô	6,09 ha
Tổng mức đầu tư	2.800 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ	Quý 3/2023 - Quý 4/2025

3 Dự án **Bình Chánh**

Tên dự án	Bình Chánh
Vị trí dự án	Xã Vĩnh Lộc B, Huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
Tên nhà đầu tư	Thiên Nam Land
Hình thức đầu tư	Hợp tác và phát triển dự án
Mục tiêu đầu tư	Xây dựng hạ tầng, phân lô bán nền
Quy mô	0,77 ha
Tổng mức đầu tư	125 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ	Quý 2/2023 - Quý 2/2025

2 Dự án **Suối Rao**

Tên dự án	Suối Rao
Vị trí dự án	Hồ Suối Rao, Xã Suối Rao, Huyện Châu Đức, Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Tên nhà đầu tư	Thiên Nam Land
Hình thức đầu tư	Hợp tác và phát triển dự án
Mục tiêu đầu tư	Khu biệt thự, nghỉ dưỡng
Quy mô	8,88 ha
Tổng mức đầu tư	590 tỷ đồng
Thời gian và tiến độ	Quý 2/2023 - Quý 3/2026





Các công ty con, công ty liên kết

Công ty TNHH Công Nghệ Phẩm Thiên Nam

1

Nội dung

- Mở rộng thêm các nhãn hàng mới nhằm phong phú danh mục sản phẩm như nhãn hàng socola Bernique, Cherque (Malaysia); mở rộng nhóm hàng thực phẩm phân phối khô, hải sản, bia Estrella (Tây Ban Nha), phân phối hàng gia vị...
- Phát triển nhãn hàng thực phẩm riêng mang tên Uiza với cam kết mang đến cho khách hàng các sản phẩm có giá trị độc đáo, giá thành hợp lý, giúp công ty thâm nhập thị trường bán lẻ tốt hơn.
- Xây dựng hệ thống kênh bán hàng thương mại điện tử, dần hoàn thiện chuỗi phân phối bán hàng phục vụ cho nhu cầu hiện tại và các chiến lược trong tương lai.



Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam

2

Nội dung

- SSK nỗ lực để trở thành ngôi trường tiên phong trong phương pháp giáo dục sớm Reggio Emilia và hình thành hệ thống chuỗi trường mầm non Song Ngữ với chất lượng giáo dục toàn diện hàng đầu.
- Trong năm 2022, hệ thống trường SSK chịu nhiều tác động từ dịch Covid nhưng vẫn duy trì tốt công tác chăm sóc và dạy trẻ theo phương pháp tiên tiến, đảm bảo đời sống CBNV trường.



Công ty Cổ phần Nahaviwel

3

Nội dung

- Năm bắt tình hình thị trường que hàn, Nahaviwel đã được Thiên Nam Group rót vốn đầu tư nhà máy que hàn công suất từ 200-300 tấn tại huyện Đức Hòa, tỉnh Long An. Công ty mạnh dạn đầu tư máy móc, công nghệ hàn tiên tiến nhằm ổn định chất lượng cho xuất khẩu, chủ động liên kết, hợp tác với nhiều nhà sản xuất, đối tác phân phối trong và ngoài nước nhằm tăng cường sự hiện diện và chiếm lĩnh thị phần.



Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168

4

Nội dung

- Các dự án bất động sản dù còn gặp khó khăn theo tình hình chung thị trường, nhưng tiến độ các dự án vẫn cố gắng đảm bảo theo thời hạn. Ngoài dự án Phước Bình đã sang nhượng thành công, nhìn chung các dự án vẫn nằm trong xu hướng khai thác tốt trong tương lai khi thị trường bất động sản được khai thông. Ví dụ như dự án Rose Garden xây dựng chung cư, trường học tại Quận 9 và dự án Khu biệt thự nghỉ dưỡng Suối Rao thuộc tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu.

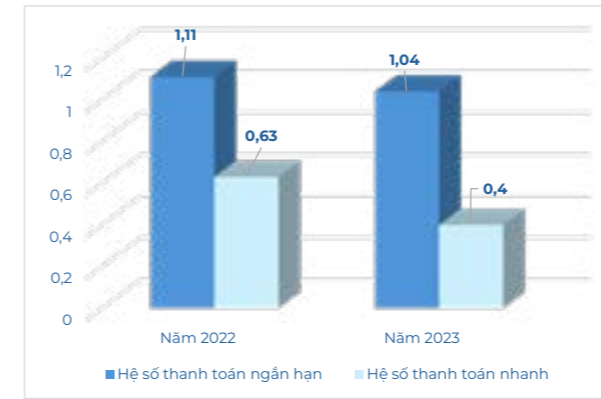


Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2022	Năm 2023 (*)
Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
Hệ số thanh toán ngắn hạn	Lần	1,11	1,04
Hệ số thanh toán nhanh	Lần	0,63	0,40
Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
Hệ số Nợ/Tổng tài sản	Lần	0,78	0,75
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	Lần	3,61	3,00
Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
Vòng quay hàng tồn kho	Vòng	6,32	4,33
Vòng quay tổng tài sản	Vòng	2,57	1,88
Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,18%	0,07%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	%	1,99%	0,58%
Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	%	0,43%	0,14%
Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần	%	0,40%	0,11%

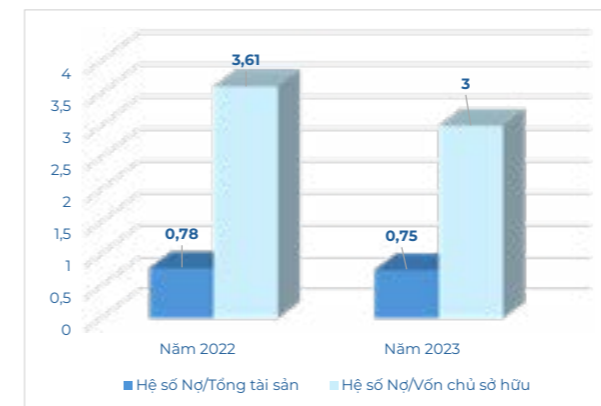
(*) Số liệu theo Báo cáo tài chính Quý IV năm 2023 (tự lập) của Công ty

Chỉ tiêu về khả năng thanh toán



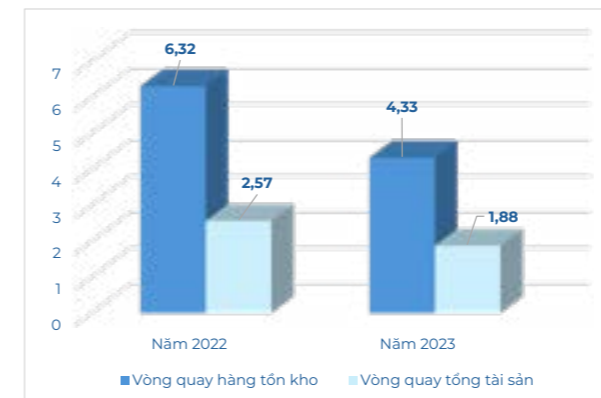
Hệ số thanh toán ngắn hạn giảm từ 1,11 lần vào năm 2022 còn 1,04 lần năm 2023, Hệ số thanh toán nhanh giảm mạnh từ 0,63 lần xuống còn 0,40, chủ yếu do do những nỗ lực tích cực trong việc thu hồi các khoản phải thu ngắn hạn từ khách hàng.

Chỉ tiêu về cơ cấu vốn



Hệ số Nợ/Tổng tài sản giảm từ 0,78 lần vào năm 2022 xuống 0,75 lần vào năm 2023, Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu: Giảm từ 3,61 lần xuống 3,00 lần. Đây là sự cải thiện lớn trong cơ cấu nợ phải trả khi Công ty chủ trương sử dụng nguồn vốn chủ sở hữu, hạn chế sử dụng đòn bẩy tài chính, giảm phụ thuộc vào nợ nguồn vốn vay.

Chỉ tiêu về năng lực hoạt động



Vòng quay hàng tồn kho giảm từ 6,32 vòng vào năm 2022 xuống 4,33 vòng năm 2023, đến từ việc lượng hàng tồn kho tăng do ...

Vòng quay tổng tài sản giảm từ 2,57 vòng vào năm 2022 xuống 1,88 vòng năm 2023, do doanh thu thuần có phần giảm so với kỳ trước theo tình hình khó khăn chung của ngành thép.

Chỉ tiêu về khả năng sinh lời

Với diễn biến ngành thép thế giới cũng như trong nước biến động nhiều trong năm 2023, làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của đa số các doanh nghiệp trong ngành. Do vậy, các chỉ tiêu về khả năng sinh lời của Công ty giảm trong năm 2023, cụ thể: Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần đạt 0,07%, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân đạt 0,58%, Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân đạt 0,14%, Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động sản xuất kinh doanh/ Doanh thu thuần đạt 0,11%.



Cơ cấu cổ đông

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cổ đông



Mã chứng khoán: **TNA**

Tổng số cổ phiếu đã phát hành: 49.576.264 cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 49.231.310 cổ phiếu
- Số lượng cổ phiếu quỹ: 344.954 cổ phiếu

Số cổ phần hạn chế chuyển nhượng: 0 cổ phần

Loại cổ phần: cổ phần phổ thông

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng/cổ phiếu

Cơ cấu cổ đông

(Tính tại ngày 24/05/2023)

STT	Loại cổ đông	Số cổ phần	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông
I	Cổ đông Nhà nước	-	-	-
II	Cổ đông trong nước	47.447.471	95,71%	
1	Cá nhân	47.051.435	94,91%	
2	Tổ chức	396.036	0,80%	
III	Cổ đông nước ngoài	1.783.839	3,60%	
1	Cá nhân	545.259	1,10%	
2	Tổ chức	1.238.580	2,50%	
IV	Cổ phiếu quỹ	344.954	0,70%	
Tổng cộng (I+II+III)		49.576.264	100,00%	

Tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa: 49%

Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam chính thức chuyển đổi thành công ty cổ phần vào năm 2000 với mức vốn điều lệ là 13 tỷ đồng. Năm 2005, Công ty chính thức niêm yết 1,3 triệu cổ phiếu tại Sở giao dịch Chứng khoán Thành phố Hồ Chí Minh.

Tính đến hiện nay, qua nhiều lần phát hành cổ phiếu, vốn điều lệ của Công ty hiện tại là 495.762.640.000 đồng.

Giao dịch cổ phiếu quỹ

Không có

Các chứng khoán khác

Không có





Tác động lên môi trường

Thiên Nam Group hiểu rằng, dù không trực tiếp sản xuất, nhưng trong quá trình hoạt động, Công ty vẫn tác động đến môi trường tự nhiên. Vì vậy, Thiên Nam Group luôn chú trọng công tác bảo vệ môi trường, vì đây là một trong những yếu tố quan trọng nhất của phát triển bền vững. Công ty thực hiện nghiêm túc các quy định của pháp luật về môi trường, lựa chọn và áp dụng công nghệ tiên tiến để giảm thiểu tiêu thụ vật tư. Bên cạnh đó, Công ty cũng thường xuyên đào tạo, nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, nhân viên để ứng phó kịp thời với các vấn đề phát sinh, góp phần giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường.



Quản lý nguồn nguyên vật liệu

Thiên Nam Group luôn nỗ lực tìm kiếm và áp dụng các giải pháp tiên tiến để giảm thiểu chi phí và nguồn năng lượng, đồng thời đảm bảo chất lượng sản phẩm. Trong đó, Thiên Nam chú trọng khâu vận chuyển, nhằm hạn chế tối đa phát sinh chi phí và tiết kiệm nhiên liệu.

Tiêu thụ năng lượng

Tại văn phòng, Thiên Nam Group luôn đẩy mạnh công tác tiết kiệm điện. Công ty sử dụng loại bóng đèn tiết kiệm năng lượng, thường xuyên bảo trì thiết bị điện và tận dụng ánh sáng tự nhiên.

Tiêu thụ nước

Thiên Nam Group luôn coi trọng công tác xử lý nước thải. Công ty đã xây dựng hoàn chỉnh hệ thống thoát nước và ký hợp đồng xử lý nước thải với các đơn vị có chuyên môn. Nhờ đó, lượng nước thải ra môi trường được xử lý đúng cách và không gây ô nhiễm.

Đối với khí thải, các hoạt động của Công ty không phát sinh ra khói và khí thải độc hại. Tuy nhiên, Công ty vẫn tăng cường thoáng gió tự nhiên và tăng cường diện tích cây xanh trong môi trường làm việc. Điều này giúp cải thiện chất lượng không khí và tạo môi trường làm việc xanh, sạch, đẹp cho cán bộ nhân viên.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Thiên Nam tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường và cũng không bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường.



Chính sách liên quan đến người lao động

Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động - Tổ chức:

- Khám sức khỏe 01 lần mỗi năm cho người lao động.
- Chăm lo cho nữ lao động nhân dịp ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3 và ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10.
- Quan tâm đến người thân của người lao động trong những dịp tổ chức nghỉ mát cho người lao động cùng đi với gia đình, chăm lo cho con em người lao động vào dịp Quốc tế thiếu nhi 1/6 và khen thưởng học bổng Nguyễn Đức Cảnh.



Chính sách liên quan đến xã hội

Thiên Nam Group luôn tích cực tham gia các hoạt động từ thiện, xã hội, đặc biệt là trong năm 2023. Công ty đã tặng quà cho nhiều hoàn cảnh khó khăn, góp phần chia sẻ khó khăn với cộng đồng. Bên cạnh đó, Công ty cũng luôn quan tâm đến đời sống của người lao động. Thông qua Hội nghị người lao động hằng năm, Ban lãnh đạo gặp mặt trực tiếp người lao động để lắng nghe tâm tư, nguyện vọng và giải quyết những khó khăn, vướng mắc của họ trong công việc và cuộc sống. Ngoài ra, Công ty còn thường xuyên tổ chức các hoạt động đoàn thể, tạo sân chơi lành mạnh, gắn kết tình cảm giữa các cá nhân trong Công ty.



BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TGD

04

Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Tình hình tài chính

Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Kế hoạch phát triển trong tương lai

Giải trình của Ban Tổng Giám đốc đối với ý kiến của Kiểm toán

Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

THIEN NAM GROUP





Bối cảnh chung đối với 02 ngành nghề chính của Công ty

Tình hình ngành thép trong năm 2023

Ngành sắt thép trong năm 2023 đã trải qua nhiều biến động và có những điểm đáng chú ý:

- Sản lượng tiêu thụ dần phục hồi: Trong nửa đầu năm 2023, sản lượng tiêu thụ thép đã bắt đầu phục hồi sau giai đoạn khó khăn, tuy nhiên, vẫn cần theo dõi tình hình thị trường một cách cẩn thận.
- Sản lượng thép thô toàn cầu trong năm 2023 đã gần như không thay đổi so với năm trước, đạt khoảng 1.888,2 triệu tấn. Điều này cho thấy sự ổn định tổng thể trong ngành sản xuất thép trên phạm vi toàn cầu, mặc dù có sự suy giảm nhẹ 0,1% so với năm 2022.
- Trong năm 2023, sản lượng thép của Trung Quốc, quốc gia sản xuất thép lớn nhất thế giới, đã ổn định ở mức 1,02 tỷ tấn, không có sự thay đổi đáng kể so với năm trước. Điều này phản ánh sự ổn định trong ngành thép của Trung Quốc dù đối mặt với các thách thức về giá cả và cung cầu (SPGlobal). Trong khi đó, Ấn Độ, nhà sản xuất thép lớn thứ hai, lại chứng kiến mức tăng trưởng ấn tượng 11,8%, đạt 140,2 triệu tấn trong năm 2023 (worldsteel.org).

Những con số này cho thấy mặc dù ngành thép toàn cầu đang trải qua một giai đoạn ổn định về sản lượng, từng quốc gia có những biến động riêng biệt phụ thuộc vào điều kiện kinh tế vĩ mô và chính sách công nghiệp tại địa phương.

Tình hình ngành bất động sản trong năm 2023

Năm 2023, ngành bất động sản Việt Nam gặp nhiều thách thức, bị ảnh hưởng bởi tăng trưởng GDP chậm lại so với năm trước và sự biến động của thị trường vốn. Tuy nhiên, ngành này cũng nhận được sự quan tâm đáng kể từ các nhà đầu tư nước ngoài với tổng vốn đăng ký đạt mức cao, thể hiện triển vọng tích cực trong dài hạn.

- Tình hình đầu tư và thị trường: Vốn FDI vào Việt Nam trong năm 2023 đạt 37 tỷ USD, tăng 32% so với năm trước, trong đó vốn thực hiện đạt khoảng 23 tỷ USD, tăng 4% và đạt mức cao nhất trong 5 năm; Sự lạc quan từ các doanh nghiệp Châu Âu tại Việt Nam được thể hiện qua Chỉ số Niềm tin Kinh doanh đạt 46,3 điểm, với triển vọng tích cực cho quý tiếp theo
- Thị trường nhà ở và căn hộ: Ở Hà Nội, giá căn hộ tăng liên tục qua các quý với mức tăng 12% theo năm, nhưng nguồn cung mới giảm mạnh, cho thấy sự mất cân đối giữa cung và cầu; Tại TP.HCM, giá căn hộ sơ cấp giảm đáng kể, trở lại mức của năm 2020, phản ánh sự suy giảm của thị trường trong bối cảnh nguồn cung hạn chế.

Nhìn chung, ngành bất động sản Việt Nam trong năm 2023 đã trải qua nhiều thăng trầm nhưng vẫn giữ được sự quan tâm từ các nhà đầu tư, đặc biệt là những nhà đầu tư nước ngoài. Triển vọng của ngành phụ thuộc nhiều vào cách thị trường thích ứng với các yếu tố kinh tế toàn cầu và địa phương.





Đánh giá

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh



Mảng kinh doanh sắt thép

Sắt thép Thiên Nam là nhà cung cấp hàng đầu chuyên cung cấp nhiều chủng loại sản phẩm thép cho các ngành công nghiệp thép, cơ sở hạ tầng, xây dựng, với các sản phẩm như thép dây wire rod, thép dự ứng lực, thép sợi, thép hình, vật liệu hàn,... cho khách hàng là các nhà máy sản xuất, các công trình xây dựng,... Do tình hình chung của ngành thép, hoạt động kinh doanh của Công ty gặp khó khăn, nên doanh thu và sản lượng của mảng này có phần sụt giảm.



Khai trương trung tâm kinh doanh sắt thép Thiên Nam
- Chi nhánh Đồng Nai



Mảng bất động sản và văn phòng cho thuê

Mảng văn phòng cho thuê

Thiên Nam Group quản lý nhiều mặt bằng, kho bãi, tòa nhà văn phòng cho thuê tại các vị trí đặc địa, thường xuyên chăm sóc và nâng cấp tăng giá trị sử dụng cho khách hàng. Ngoài ra, Thiên Nam Group đầu tư và phát triển nhiều dự án đất nền quy mô tại TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận. Trong năm 2023, tình hình kinh doanh trong lĩnh vực bất động sản khá ổn định, với nguồn doanh thu chủ yếu đến từ việc cho thuê các tòa nhà văn phòng.



Mảng bất động sản

Chiến lược trong năm 2024 là tiếp tục giữ ổn định mảng cho thuê văn phòng, đồng thời Thiên Nam Group sẽ tập trung hoàn thiện pháp lý các dự án, đẩy mạnh tiến độ chuyển nhượng các dự án.



Mảng Công Nghệ Phẩm (Thiên Nam Food)

Đưa vào thị trường nhiều mặt hàng bánh kẹo, thực phẩm ăn liền mới mang thương hiệu riêng



Mảng hệ thống trường mầm non

Tiếp tục tuyển sinh để tối ưu công suất phòng học, hoàn thiện bộ máy hoạt động đạt chuẩn quốc tế.



Mảng vật liệu hàn (Nahaviwel)

đã vận hành nhà máy sản xuất que hàn mới tại Long An, sản xuất các sản phẩm đáp ứng nhu cầu thị trường nội địa và xuất khẩu. Tiếp tục hoạt động tối đa công suất nhà máy và tìm kiếm khách hàng thị trường trong và ngoài nước.





Những cải tiến

VỀ CƠ CẤU TỔ CHỨC, CHÍNH SÁCH, QUẢN LÝ

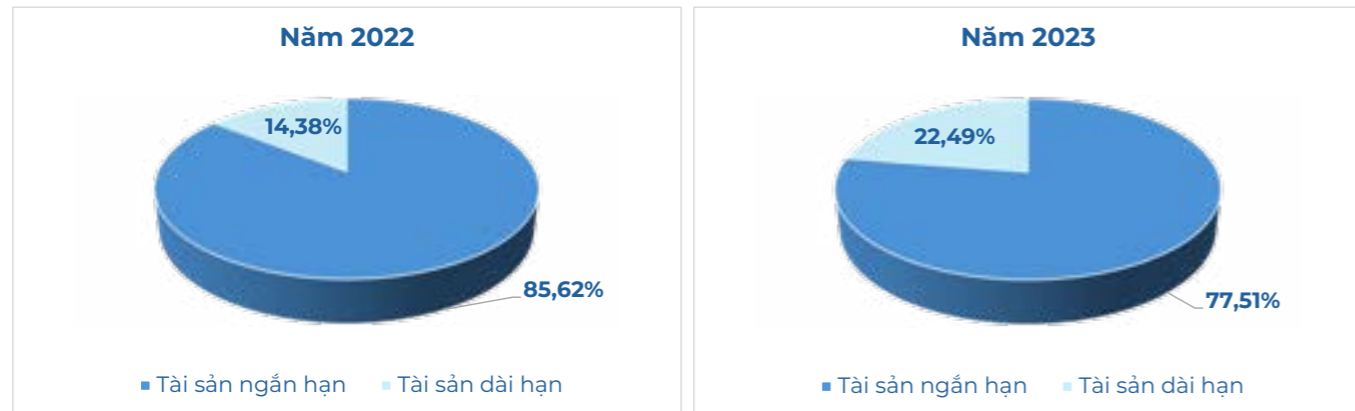
Trong năm 2023, Công ty đã tiến hành tái cơ cấu tổ chức, cập nhật chính sách và tăng cường quản lý nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động. Việc sắp xếp lại nhân sự và đẩy mạnh giải quyết nợ khó đòi để tình hình tài chính của Công ty được ổn định là mục tiêu trọng tâm trong việc cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý. Tuy nhiên, một số thách thức vẫn còn tồn đọng, yêu cầu Công ty phải tiếp tục tìm kiếm giải pháp để hoàn thiện hơn nữa trong thời gian tới.



Tình hình tài sản

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	%2023/2022
Tài sản ngắn hạn	2.285.865	85,62%	1.802.905	77,51%	78,87%
Tài sản dài hạn	383.837	14,38%	523.014	22,49%	136,26%
Tổng tài sản	2.669.702	100,00%	2.325.919	100,00%	87,12%



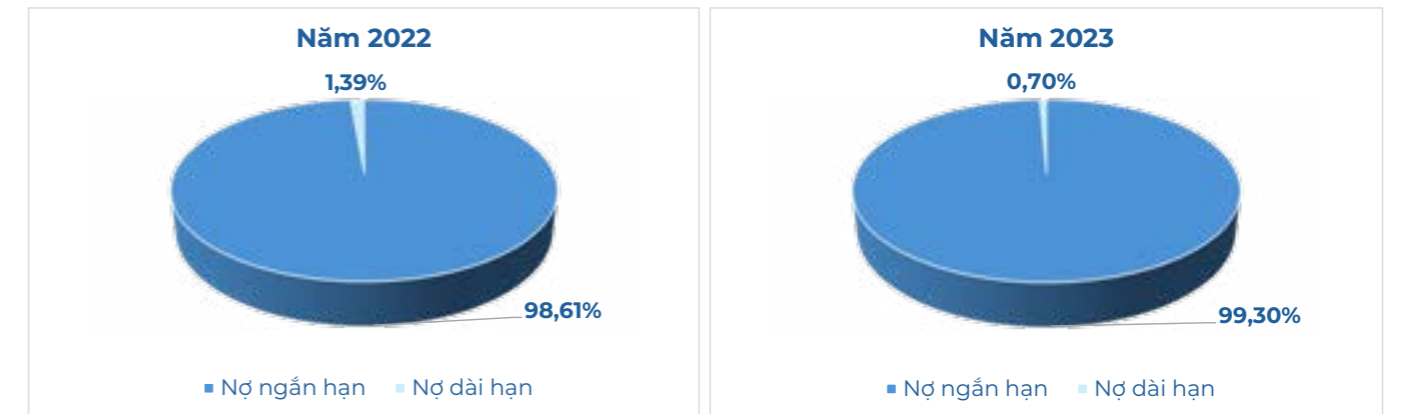
Tại ngày 31/12/2023 Tổng tài sản của Công ty giảm từ hơn 2.669 tỷ đồng đạt mức hơn 2.325 tỷ đồng, giảm 12,88% so với cuối kỳ năm 2022. Cơ cấu Tổng tài sản tại ngày 31/12/2023 không biến đổi nhiều so với cùng kỳ, với tỷ trọng tài sản ngắn hạn có phần giảm nhẹ nhưng vẫn chiếm tỷ trọng chủ yếu là 77,51%, tài sản dài hạn chiếm 22,49%.

Tài sản ngắn hạn tại ngày 31/12/2023 giảm từ hơn 2.285 tỷ đồng cùng kỳ năm 2022 đạt mức hơn 1.802 tỷ đồng, tương đương là giảm 21,13% so với năm trước. Tài sản dài hạn tăng từ 383 tỷ đồng lên 523 tỷ đồng, tương đương mức tăng so với năm 2022

Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2022	Tỷ trọng 2022	Năm 2023	Tỷ trọng 2023	%2023/2022
Nợ ngắn hạn	2.061.049	98,61%	1.732.075	99,30%	84,04%
Nợ dài hạn	29.078	1,39%	12.167	0,70%	41,84%
Tổng nợ phải trả	2.090.127	100,00%	1.744.242	100,00%	83,45%



Tổng nợ phải trả tại ngày 31/12/2023 giảm từ hơn 2.090 tỷ đồng, đạt 1.744 tỷ đồng, giảm 16,55% (so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu do giảm được các khoản vay ngắn hạn tại ngân hàng, điều này không chỉ giảm bớt gánh nặng tài chính ngắn hạn mà còn cải thiện độ thanh khoản và giảm rủi ro lãi suất.

Về chi tiết, nợ ngắn hạn vẫn chiếm tỷ trọng lớn trong cấu trúc nợ của công ty, với 99,30% tổng nợ phải trả. Tuy nhiên, tỷ lệ này đã tăng nhẹ từ 98,61% vào cuối kỳ năm 2022 lên 99,30% vào cuối kỳ năm 2023. Nợ dài hạn chỉ chiếm phần nhỏ trong cơ cấu nợ phải trả, đạt 1,39% tại ngày 31/12/2022 và giảm nhẹ còn 0,70% tại ngày 31/12/2023.

Mục tiêu kế hoạch năm 2024

Đơn vị tính: Tỷ đồng

Chỉ tiêu	Mục tiêu (đồng)
Doanh thu	
Lợi nhuận trước thuế	



Một số kế hoạch và định hướng cho giải pháp trọng tâm

- Triển khai mở rộng một số Trung tâm kinh doanh sắt thép tại các Khu vực kinh tế trọng điểm, đặc biệt là các tỉnh phía Nam Việt Nam, nhằm tăng cường phát triển mảng kinh doanh sắt thép tự doanh và giảm độ phụ thuộc vào việc tiêu thụ sắt thép qua các kênh bán hàng.
- Mở rộng mạng lưới bán hàng và thâm nhập thị trường, tập trung vào việc chăm sóc khách hàng hiện có, cũng như phát triển mối quan hệ với khách hàng mới, nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động bán hàng ở các khu vực kinh tế trọng điểm của đất nước.
- Tăng cường thị phần trong các lĩnh vực sản xuất sắt thép dự ứng lực và phụ kiện, cũng như trong lĩnh vực sử dụng thép sợi (steelfiber) trong xây dựng cầu đường và ứng dụng trong công nghệ cao cấp như cấu kiện bê tông cường độ siêu cao UHPC.
- Tăng cường công tác dự báo, lập kế hoạch và quản lý bán hàng và hàng tồn kho để đảm bảo hoạt động kinh doanh linh hoạt trong bối cảnh kinh tế có nhiều biến động không lường trước.
- Tiếp tục mở rộng thị trường văn phòng cho thuê, tăng tỷ lệ sử dụng diện tích mới và đa dạng hóa sản phẩm/dịch vụ để đáp ứng nhu cầu ngày càng tăng của khách hàng.
- Tối ưu hóa diện tích và tiện ích của văn phòng cho các chủ đầu tư và đơn vị cho thuê, điều chỉnh các dịch vụ và hợp tác với các công ty đối tác. Cập nhật và điều chỉnh các quy định về vận hành văn phòng xanh để đáp ứng xu hướng nâng cấp và cải tạo các công trình cũ, cùng với việc xây dựng chính sách chăm sóc khách hàng và ưu đãi đặc biệt cho khách hàng hiện tại.
- Tập trung mọi nguồn lực để cơ cấu lại nguồn vốn ngắn hạn, trung hạn và dài hạn, nhằm đảm bảo nguồn vốn và dòng tiền cho hoạt động kinh doanh của Công ty.
- Áp dụng công nghệ thông tin để cải thiện hiệu suất của hoạt động trong Công ty.
- Xây dựng và duy trì một đội ngũ lao động ổn định, đồng thời đánh giá chất lượng nhân sự và tiến hành sàng lọc; cung cấp đào tạo, huấn luyện và cơ hội thăng tiến cho những nhân viên có hiệu suất làm việc xuất sắc; và phát triển chương trình đào tạo cho nguồn nhân lực kế thừa.

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

05

Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của công ty

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban TGD công ty

Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị



THIEN NAM GROUP





Đánh giá Của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty

Hội đồng quản trị thực hiện chặt chẽ công việc quản trị theo các quy định về Quản trị Công ty áp dụng cho các công ty đại chúng và Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty CP TM-XNK Thiên Nam. Các thành viên Hội đồng quản trị thực hiện trách nhiệm và quyền hạn theo quy định của Điều lệ, Quy chế quản trị của Công ty và theo sự phân công của Chủ tịch Hội đồng quản trị một cách trung thực; tuân thủ các tiêu chuẩn, hành vi và đạo đức nghề nghiệp của thành viên Hội đồng quản trị; luôn hành động vì lợi ích của Công ty và các cổ đông.

Hội đồng quản trị lãnh đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành, tạo điều kiện tốt nhất về cơ chế, chính sách, nguồn lực và cơ sở vật chất để giúp Ban điều hành hoàn thành nhiệm vụ được giao. Đồng thời, Hội đồng quản trị thiết lập và duy trì hoạt động hiệu quả của bộ phận kiểm toán nội bộ và các tiểu ban hoạt động trực thuộc.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành phối hợp chặt chẽ trong quan hệ công tác theo các nguyên tắc sau:

- Luôn hành động vì lợi ích chung của Công ty và cổ đông.
- Tuân thủ nghiêm túc các quy định pháp luật, Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty.
- Thực hiện nguyên tắc tập trung, dân chủ, công khai, minh bạch.
- Phối hợp công tác với tinh thần trách nhiệm cao, trung thực, hợp tác và thường xuyên chủ động phối hợp để giải quyết các vướng mắc và khó khăn.



Đánh giá Của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Hội đồng quản trị thực hiện việc giám sát Tổng Giám Đốc và phối hợp hoạt động giữa Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc theo quy định tại Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Nhờ tuân thủ quy trình và thủ tục đúng đắn, việc phối hợp giữa Hội đồng quản trị và Ban Điều hành luôn diễn ra một cách trơn tru và hiệu quả. Ban Điều hành không gặp trở ngại trong việc điều hành kinh doanh, và việc giám sát của Hội đồng quản trị được duy trì thường xuyên và nghiêm ngặt, đảm bảo hoạt động của Công ty tuân thủ đúng các quyết định của Đại hội cổ đông và Hội đồng quản trị.

Hàng quý, Hội đồng quản trị yêu cầu Tổng Giám Đốc báo cáo kết quả kinh doanh, tiến độ thực hiện các quyết định của Hội đồng quản trị, cũng như báo cáo về những khó khăn và thuận lợi trong quá trình điều hành công việc. Dựa trên các báo cáo và thực tế, Hội đồng quản trị tổ chức họp để xem xét và đánh giá kết quả điều hành, yêu cầu Ban Điều hành triển khai thực hiện các công việc mới.

Trong năm vừa qua, Tổng Giám đốc đã thực hiện đầy đủ trách nhiệm báo cáo, giải trình và công bố thông tin về hoạt động kinh doanh một cách đầy đủ và minh bạch. Tuân thủ các yêu cầu về trình bày và xin ý kiến các nội dung thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị tại các cuộc họp định kỳ và đột xuất. Các hoạt động kinh doanh hàng ngày đều được thực hiện theo quy trình và quản lý. Đồng thời, trong năm 2023, các hoạt động kinh doanh của Công ty đã đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật hiện hành.

Các kế hoạch Định hướng của Hội đồng quản trị

- Tiếp tục bám sát các chủ trương theo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông đề ra.
- Lên phương án để triển khai các dự án ngay sau khi hoàn thiện các thủ tục về pháp lý.
- Chỉ đạo và phối hợp chặt chẽ với Ban điều hành để hoàn thành được các chỉ tiêu kế hoạch đã đề ra.
- Tiếp tục theo dõi tình hình dịch bệnh, tình hình giá sắt – thép trong nước và trên thế giới, tình hình bất động sản trong năm để đưa ra các phương án kinh doanh thích hợp và nhanh chóng.
- Công bố thông tin đúng theo quy định của pháp luật.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

06

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Ủy ban Kiểm toán

Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc, Ủy ban kiểm toán



THIEN NAM GROUP



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên HĐQT	Số buổi họp tham dự (trực tiếp/trực tuyến/ mail...)	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Nguyễn Quang Hòa	18/18	100%	
2	Ông Hồ Văn Tuyên	18/18	100%	
3	Bà Trần Thị Hiền	18/18	100%	
4	Ông Nguyễn Minh Thư	11/18	61,11%	ĐHĐCĐ bầu cử từ ngày 23/06/2023
5	Bà Nguyễn Trần Thảo Hương	11/18	61,11%	ĐHĐCĐ bầu cử từ ngày 23/06/2023
6	Ông Vương Quang Diệu	07/18	38,8%	ĐHĐCĐ miễn nhiệm từ ngày 23/06/2023

Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

- **Tiểu ban Tài chính:** Thực hiện đầy đủ công tác giám sát tài chính Công ty theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và theo yêu cầu của HĐQT trong năm 2023 của Công ty.
- **Tiểu ban Dự án:** Giám sát hoạt động các dự án Công ty đang đầu tư.

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Tổng Giám đốc

Công tác chỉ đạo thực hiện và giám sát của Hội đồng quản trị với Ban điều hành được thực hiện thường xuyên trong năm 2023, thông qua các hoạt động sau:

1. Chỉ đạo, giám sát công tác tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 theo đúng quy định; xây dựng kế hoạch kinh doanh năm 2023 và nội dung các tờ trình trình Đại hội đồng cổ đông; bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2023 – 2027.
2. Trong năm 2023, Công ty gặp rất nhiều khó khăn trong hoạt động sản xuất kinh doanh các ngành hàng chủ lực, nên không đạt về lợi nhuận và doanh thu chỉ thực hiện khoảng 80% kế hoạch giao.
3. HĐQT thường xuyên giám sát việc triển khai, thực hiện các Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị theo đúng quy trình và tiến độ đề ra.

4. Thường xuyên tổ chức họp đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh để có biện pháp chỉ đạo kịp thời.

5. Trong năm, Công ty tập trung xây dựng và triển khai thực hiện mô hình quản trị tập trung, xây dựng hệ thống phân quyền giữa HĐQT, UBKT và Ban Tổng GD; từ Công ty mẹ đến các Công ty con để vận hành và kiểm soát chặt chẽ trong tập đoàn

6. Hệ thống Công ty Thiên Nam:

- Các Công ty thành viên:
 - » Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam,
 - » Công ty cổ phần ĐT GD Thiên Nam.
 - » Công ty cổ phần Nahaviwel.
- Các Công ty liên kết và có liên quan:
 - » Công ty cổ phần PT KD TM Sài Gòn 168.
 - » Công ty CP PT Nhà Vũng Tàu.
 - » Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tính Phát Vina.

7. Giám sát thực hiện các báo cáo năm 2023 theo đúng quy định, cụ thể:

- Báo cáo thường niên năm 2022;
- Báo cáo quản trị năm 2022 và 6 tháng đầu năm 2023;
- Báo cáo quý 4/2022 và các quý 1,2,3/2023;
- Báo cáo kiểm toán tài chính năm 2022, soát xét 06 tháng đầu năm 2023.

8. Quyết định về kế hoạch tiền lương năm 2023 của Công ty; thù lao HĐQT và Ủy ban kiểm toán trực thuộc HĐQT Công ty năm 2023.

9. Quyết định chọn đơn vị kiểm toán báo cáo tài chính công ty năm 2022 là Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán & Kiểm toán Phía Nam (AASCS).

10. Giám sát quy trình thực hiện công bố thông tin theo quy định của Ủy ban chứng khoán nhà nước và Sở Giao dịch chứng khoán.

11. Giám sát tình hình hoạt động của Công ty tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp, Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật hiện hành.

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị trong năm 2023

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	Quyết định số 02/2023/QĐ-HĐQT	08/02/2023	Thay đổi người đại diện theo pháp luật
2	Nghị quyết số 03/2023/HĐQT	21/02/2023	Thành lập Ban Tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 & Phân công nhiệm vụ thực hiện các báo cáo và tờ trình Đại hội
3	Nghị quyết số 04/2023/NQ-HĐQT	23/02/2023	Chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
4	Quyết định số 06/2023/QĐ-HĐQT	28/02/2023	Miễn nhiệm trợ lý Chủ tịch HĐQT
5	Nghị quyết số 07/2023/NQ-HĐQT	24/03/2023	Hủy ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền, ngày thực hiện Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023, gia hạn tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
6	Nghị quyết số 09/2023/NQ-HĐQT	03/04/2023	Thay đổi nhân sự của Công ty CP TM – XNK Thiên Nam tham gia vào Hội đồng quản trị tại Công ty liên kết
7	Nghị quyết số 11/2023/NQ-HĐQT	28/04/2023	Chốt ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023
8	Nghị quyết số 22/2023/NQ-HĐQT	26/06/2023	Bầu Chủ tịch HĐQT Công ty
9	Nghị quyết số 23/2023/NQ-HĐQT	26/06/2023	Bầu Chủ tịch UBKT Công ty
10	Nghị quyết số 24/2023/NQ-HĐQT	26/06/2023	Miễn nhiệm Tổng Giám đốc Công ty
11	Nghị quyết số 25/2023/NQ-HĐQT	30/06/2023	Chọn đơn vị kiểm toán độc lập để kiểm toán báo cáo tài chính năm 2023
12	Nghị quyết số 32/2023/NQ-HĐQT	23/08/2023	Thay đổi nhân sự trong thành viên UBKT Công ty.

STT	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
13	Nghị quyết số 35/2023/NQ-HĐQT	19/09/2023	Thông qua các hợp đồng và giao dịch giữa Công ty CP TM-XNK Thiên Nam với các bên liên quan trong năm 2023.
14	Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐQT	21/09/2023	Mua lại cổ phần của cổ đông sở hữu vốn góp tại Công ty CP Nahaviwel.
15	Nghị quyết số 37/2023/NQ-HĐQT	24/10/2023	Triển khai phương án phát hành cổ phiếu để trả cổ tức năm 2022.
16	Nghị quyết số 42/2023/NQ-HĐQT	26/12/2023	Mua thêm cổ phần góp vốn vào Công ty CP Nahaviwel.



Thành viên và cơ cấu của Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên Ủy ban kiểm toán	Chức vụ	Ngày bắt đầu là thành viên Ủy ban Kiểm toán	Số cổ phiếu và tỷ lệ sở hữu
1	Ông Hồ Văn Tuyên	Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	24/03/2018	
2	Ông Nguyễn Quang Hòa	Thành viên	24/03/2018	
3	Bà Nguyễn Trần Thảo Hương	Thành viên	26/06/2021	

Thay đổi trong Ủy ban kiểm toán

STT	Thành viên Hội đồng quản trị	Bổ nhiệm	Miễn nhiệm
1	Nguyễn Quang Hòa	23/06/2023	23/08/2023
2	Nguyễn Trần Thảo Hương	23/08/2023	-



Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

STT	Thành viên UBKT	Số buổi họp tham dự (trực tiếp/trực tuyến/mail...)	Tỷ lệ tham dự họp	Lý do không tham dự
1	Ông Hồ Văn Tuyên	4/4	100%	
2	Ông Nguyễn Quang Hòa	2/4	50%	Thay đổi từ ngày 23/08/2023
3	Bà Nguyễn Trần Thảo Hương	2/4	50%	Thay đổi từ ngày 23/08/2023

Hoạt động giám sát của Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Giám sát, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch kinh doanh so với kế hoạch được giao của Công ty và các Công ty con để báo cáo và đề xuất ý kiến với HĐQT, việc kiểm soát được thực hiện theo từng tháng, quý, 6 tháng, 9 tháng, năm và đột xuất khi có yêu cầu của HĐQT Công ty;
- Kiểm tra đánh giá việc tuân thủ quy trình, quy định, chính sách và chuẩn mực kế toán;
- Xem xét sổ sách kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022, báo cáo tài chính bán niên 2023 và báo cáo tài chính các quý trong năm 2023;
- Kiểm tra việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty, tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHCĐ và Nghị quyết của HĐQT.

Sự phối hợp hoạt động giữa Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Tham mưu Hội đồng quản trị ban hành các chính sách, quy định về nội dung và thời gian báo cáo tình hình hoạt động kinh doanh của hệ thống toàn Công ty.
- Xây dựng mô hình tập trung trong tập đoàn nhằm nâng cao sự phối hợp chặt chẽ cũng như kiểm tra kiểm soát giữa HĐQT, UBKT và Ban Tổng GD trong toàn tập đoàn. Kiểm soát tập trung toàn hệ thống nhằm chuẩn hóa, ứng dụng công nghệ, đồng bộ dữ liệu và sử dụng nguồn lực chung được phân bổ tối ưu cho toàn hệ thống hiệu quả nhất.



Các giao dịch

Thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ủy ban kiểm toán

Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

STT	Họ và tên	Chức danh	Tiền lương (đồng)	Thù lao (đồng)	Cộng thu nhập (đồng)
1	Nguyễn Quang Hòa	Chủ tịch HĐQT kiêm TGD			
2	Hồ Văn Tuyên	TV HĐQT độc lập không điều hành			
3	Nguyễn Minh Thư	TV HĐQT kiêm Phó TGD			
4	Trần Thị Hiền	TV HĐQT			
5	Nguyễn Trần Thảo Hương	TV HĐQT			
6	Phạm Viết Đạt	Kế toán trưởng			

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ

Không có



Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ

STT	Tên tổ chức/cá nhân	Mối quan hệ liên quan với công ty	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ	Thời điểm giao dịch với công ty	Số NQ/ QĐ của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch
1	Công ty CP TM DV Thiên Nam Hòa	Công ty cùng TV HĐQT	0302429934 Cấp ngày 23/10/2001 Nơi cấp Sở KH & ĐT TP.HCM	277B Cách Mạng Tháng Tám, P12, Q10	6 tháng đầu năm		Khoảng 25 tỷ đồng
2	Công ty CP PT KD TM SG 168	Công ty liên kết của tập đoàn	0314160724 Cấp ngày 28/11/2017 Nơi cấp Sở KH & ĐT TP.HCM	Số 111-121 Ngô Gia Tự, P2, Q10, TP.HCM	6 tháng đầu năm		Khoảng 19 tỷ đồng
3	Công ty TNHH TM DV Tính Phát Vina	Bên liên quan	1101966828 Cấp ngày 30/10/2020 Nơi cấp Sở KH & ĐT Tỉnh Long An	Số 56A, QL 1A, Ấp 2, Xã Mỹ Yên, Huyện Bến Lức, Tỉnh Long An	6 tháng đầu năm		Khoảng 1.230 tỷ đồng

Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị công ty

07 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Báo cáo tài chính Hợp nhất quý IV năm 2023



THIEN NAM GROUP





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.802.904.917.581	2.285.865.461.621
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	10.732.761.633	64.690.190.517
1. Tiền	111		9.860.761.633	16.539.417.068
2. Các khoản tương đương tiền	112		872.000.000	48.150.773.449
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	52.575.501.268	73.571.305.616
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		52.575.501.268	73.571.305.616
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		615.892.318.879	1.152.326.628.483
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	564.949.978.564	971.056.199.207
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	1.009.577.068	30.191.333.128
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	50.058.116.859	151.538.460.576
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(145.641.718)	(472.187.744)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		20.288.106	12.823.316
IV Hàng tồn kho	140	V.6	1.118.305.144.402	984.744.604.874
1. Hàng tồn kho	141		1.118.717.279.652	989.361.419.911
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(412.135.250)	(4.616.815.037)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		5.399.191.399	10.532.732.131
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.7a	501.461.235	5.164.682.638
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.024.420.607	4.497.116.067
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		873.309.557	870.933.426
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		523.014.233.067	383.836.670.578
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.796.096.440	6.576.919.642
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	6.796.096.440	6.576.919.642
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		40.347.881.242	43.952.717.086
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	13.433.119.430	16.587.693.600
- Nguyên giá	222		51.430.986.532	52.391.752.524
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(37.997.867.102)	(35.804.058.924)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.9	-	450.261.674
- Nguyên giá	225		-	2.026.177.582
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	(1.575.915.908)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	26.914.761.812	26.914.761.812
- Nguyên giá	228		28.194.999.917	28.194.999.917
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.280.238.105)	(1.280.238.105)
III Bất động sản đầu tư	230	V.11	61.128.252.051	65.296.113.147
- Nguyên giá	231		106.202.325.022	106.202.325.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(45.074.072.971)	(40.906.211.875)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		-	-
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		-	-
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	409.867.523.429	264.676.100.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		18.298.025.842	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		194.393.397.588	67.500.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		120.496.100.000	120.496.100.000
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(0)	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		76.680.000.000	76.680.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		4.874.479.905	3.334.820.703
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.7b	4.874.479.905	3.334.820.703
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
5. Lợi thế thương mại			-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.325.919.150.648	2.669.702.132.199



CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		1.744.241.693.836	2.090.127.064.333
I. Nợ ngắn hạn	310		1.732.075.116.607	2.061.049.299.499
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.12	912.723.343.785	460.991.929.440
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.13	37.010.447.691	55.437.959.344
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.14	5.993.089.785	23.000.734.549
4. Phải trả người lao động	314	V.15	444.556.483	1.541.761.649
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.16	17.322.023.268	2.927.733.683
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.17	1.107.701.978	825.927.922
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18a	188.519.527.775	271.993.900.462
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a	568.954.425.842	1.244.329.352.450
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.19	-	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		12.166.577.229	29.077.764.834
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.18b	10.018.952.675	26.653.273.675
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b	2.147.624.554	2.424.491.159
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		581.677.456.812	579.575.067.866
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.22	581.677.456.812	579.575.067.866
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		495.762.640.000	495.762.640.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		495.762.640.000	495.762.640.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.034.353.637	4.034.353.637
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		(11.978.525.300)	(11.978.525.300)
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		31.763.082.105	31.763.082.105
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		67.150.227.154	64.089.914.291
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		65.020.266.439	48.481.817.291
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		2.129.960.715	15.608.097.000
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		(5.054.320.784)	(4.096.396.867)
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.325.919.150.648	2.669.702.132.199

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024

Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu

Phạm Việt Đạt
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hòa
Chủ tịch Hội đồng quản trị



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Dạng đầy đủ)
QUÝ 04 NĂM 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	QUÝ 04		LK TỬ ĐẦU NĂM ĐẾN CUỐI KỲ NÀY	
			Năm nay	Năm trước	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	753.601.587.346	1.680.278.527.543	4.690.813.931.717	6.447.640.217.235
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.2	292.096.800	55.286.991	427.739.183	419.278.661
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		753.309.490.546	1.680.223.240.552	4.690.386.192.534	6.447.220.938.574
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	718.960.149.853	1.645.800.345.278	4.552.828.254.304	6.262.317.140.284
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		34.349.340.693	34.422.895.274	137.557.938.230	184.903.798.290
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	6.037.400.108	14.500.332.732	41.309.277.381	36.762.860.369
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	24.014.737.314	29.253.462.420	106.715.566.187	106.271.261.877
Trong đó: chi phí lãi vay	23		25.171.789.236	28.286.090.063	107.585.410.955	103.989.816.914
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		3.330.244.081	-	3.330.244.081	-
9. Chi phí bán hàng	25	VI.6	5.385.336.650	12.660.917.346	28.182.062.908	47.242.720.715
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.7	19.706.710.427	14.614.974.882	42.188.550.080	42.332.193.597
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(5.389.799.509)	(7.546.126.642)	5.111.280.517	25.820.482.470
12. Thu nhập khác	31	VI.8	(219.758.723)	2.358.707.268	558.029.419	2.984.665.358
13. Chi phí khác	32	VI.9	143.316.070	(7.351.116)	1.902.244.362	1.990.764.101
14. Lợi nhuận khác	40		(363.074.793)	2.366.058.384	(1.344.214.943)	993.901.257
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(5.752.874.302)	(5.180.068.258)	3.767.065.574	26.814.383.727
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.11	(3.252.378.472)	236.089.393	382.073.423	15.273.653.799
17. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-	-	25.696.538
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	V.12	(2.500.495.830)	(5.416.157.651)	3.384.992.151	11.515.033.390
19. Lợi nhuận sau thuế của công ty mẹ	61		(4.176.305.470)	(3.740.569.769)	4.168.575.848	15.608.097.000
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		1.675.809.640	(1.675.587.882)	(783.583.697)	(4.093.063.610)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.13	(70)	(62)	31	260
22. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71		(70)	(62)	31	260

TP. Hồ Chí Minh, ngày 20 tháng 01 năm 2024

Nguyễn Quang Hòa
Chủ tịch Hội đồng quản trịNguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểuPhạm Việt Đạt
Kế toán trưởng

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2023

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	(10.443.862.018)	26.814.383.727
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	8.083.268.922	7.620.056.308
- Các khoản dự phòng	03	4.637.388.592	4.439.200.992
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	382.651.313	(269.400.862)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(11.034.988.574)	(22.737.635.895)
- Chi phí lãi vay	06	107.585.410.955	103.989.816.914
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	99.209.869.190	119.856.421.184
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	257.703.826.381	(204.642.526.661)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(129.355.859.741)	2.050.521.285
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	505.377.273.688	201.946.067.656
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	6.223.562.201	(2.004.337.530)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14	(111.383.039.155)	(103.614.407.873)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(12.470.697.586)	(3.921.028.041)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(2.249.608.558)	(11.368.799.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	613.055.326.420	(1.698.089.924)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(289.505.699)	(10.231.340.670)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	181.818.182	1.000.129.869
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	20.995.804.348	(82.021.305.616)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(24.698.025.842)	(67.500.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	12.527.053.958	19.494.994.458
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	8.717.144.947	(139.257.521.959)

CHỈ TIÊU	MA số	Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	1.782.197.406.582	4.352.991.552.888
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	(2.457.406.128.645)	(4.233.494.183.548)
5. Tiền trả nợ gốc thuế tài chính	35	(443.071.150)	(664.606.728)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(675.651.793.213)	118.832.762.612
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50	(53.879.321.846)	(22.122.849.271)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	64.614.953.201	86.797.642.228
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(2.869.722)	15.397.560
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	10.732.761.633	64.690.190.517

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024


 Nguyễn Thị Thu Hiền
 Người lập biểu


 Phạm Việt Đạt
 Kế toán trưởng


 Nguyễn Quang Hòa
 Chủ tịch Hội đồng quản trị



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ QUÝ 4 NĂM 2023

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty hay “Công ty mẹ”) là công ty cổ phần.

2. Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn là kinh doanh thương mại và dịch vụ, sản xuất.

3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Mua bán, đại lý, ký gởi các mặt hàng công nghệ phẩm, lương thực, thực phẩm, vật tư thiết bị, phương tiện vận tải, rượu, nông sản, thủy hải sản, kim khí điện máy, vật liệu xây dựng, trang trí nội thất, phân bón, thuốc trừ sâu, vật tư, máy móc thiết bị, mỹ phẩm; Đại lý ký gửi hàng hóa. Thu mua và chế biến hàng nông, thủy, hải sản xuất khẩu (không hoạt động tại trụ sở); Cho thuê xe du lịch; Mua bán sắt thép, kim loại phế liệu và dịch vụ phá dỡ tàu thuyền, ô tô cũ (không hoạt động tại trụ sở); Mua bán xe ô tô; Dịch vụ khai thuê hải quan; Dịch vụ giao nhận hàng hóa; Kinh doanh bất động sản.

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

5. Cấu trúc Tập đoàn

Tập đoàn bao gồm Công ty mẹ và 03 công ty con công ty con chịu sự kiểm soát của Công ty mẹ. Toàn bộ các công ty con được hợp nhất trong Báo cáo tài chính hợp nhất này.

5a. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Bán buôn sản phẩm, thực phẩm công nghệ	98%	98%	98%
Công ty Cổ phần Đầu tư Giáo dục Thiên Nam	Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Phát triển dịch vụ liên quan đến giáo dục	68%	68%	68%
Công ty Cổ phần Nahaviwel	Tòa nhà Thiên Nam, 111-112 Ngõ Gia Tự, Phường 2, Quận 10, TP. Hồ Chí Minh	Sản xuất và kinh doanh vật liệu hàn.	94,5%	94,5%	94,5%

5b. Công ty liên kết được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Trong kỳ, Tập đoàn có chuyển đổi loại hình của Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 từ Công ty con sang Công ty liên kết. Tại ngày kết thúc kỳ Báo cáo, tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại công ty liên kết này là 47,53%.

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính hợp nhất

Các số liệu tương ứng của năm trước trước so sánh được với số liệu của năm này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Tập đoàn có 138 nhân viên đang làm việc tại các công ty trong Tập đoàn (số đầu năm là 158 nhân viên).



II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tập đoàn áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn Chế độ Kế toán doanh nghiệp, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 hướng dẫn lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và các thông tư khác hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014; Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp; Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất:

Báo cáo tài chính hợp nhất lập trên cơ sở Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính, cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Công ty con

Công ty con là những đơn vị mà Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Quyền biểu quyết tiềm tàng có thể được thực thi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tập đoàn có quyền kiểm soát đơn vị hay không. Báo cáo tài chính của các Công ty con được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất kể từ ngày quyền kiểm soát bắt đầu có hiệu lực cho tới ngày quyền kiểm soát chấm dứt.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát

Lợi ích cổ đông không kiểm soát (NCI) được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Việc thay đổi vốn của Tập đoàn trong Công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tập đoàn trong tài sản thuần của công ty con và số chỉ hoặc thu từ việc thay đổi vốn tại công ty con được ghi nhận vào lợi nhuận sau thuế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Mất quyền kiểm soát

Khi mất quyền kiểm soát tại một công ty con, Tập đoàn dừng ghi nhận tài sản và nợ phải trả của công ty con cũng như NCI và các khoản mục vốn chủ sở hữu khác. Bất kỳ khoản lãi hoặc lỗ nào phát sinh từ sự kiện này đều được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Sau khi thoái vốn phần lợi ích còn lại trong công ty con trước đó được ghi nhận theo giá trị sổ sách còn lại của khoản của khoản đầu tư trên báo cáo tài chính hợp nhất, sau khi được điều chỉnh theo tỷ lệ tương ứng cho những thay đổi trong vốn chủ sở hữu kể từ ngày mua nếu Tập đoàn vẫn còn ảnh hưởng đáng kể trong đơn vị nhận đầu tư, hoặc trình bày theo giá gốc của khoản đầu tư còn lại nếu không còn ảnh hưởng đáng kể.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là tất cả các đơn vị trong đó Tập đoàn có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở đơn vị đó. Công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu. Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm phần mà Tập đoàn được hưởng trong thu nhập và chi phí của công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, sau khi điều chỉnh theo chính sách kế toán của Tập đoàn, từ ngày bắt đầu cho tới ngày chấm dứt sự ảnh hưởng đáng kể đối với các công ty này.

Khi phần lỗ của công ty liên kết mà Tập đoàn phải chia sẻ vượt quá lợi ích của Tập đoàn trong công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu, giá trị ghi sổ của khoản đầu tư (bao gồm các khoản đầu tư dài hạn, nếu có) sẽ được ghi giảm tới bằng không và dừng việc ghi nhận các khoản lỗ phát sinh trong tương lai trừ các khoản lỗ thuộc phạm vi mà Tập đoàn có nghĩa vụ phải trả hoặc đã trả thay cho công ty liên kết.

Các giao dịch được loại trừ hợp nhất

Các số dư trong nội bộ Tập đoàn và các khoản thu nhập và chi phí chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi lập báo cáo tài chính hợp nhất. Khoản lãi và lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch với các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu được trừ vào khoản đầu tư trong phạm vi lợi ích của Tập đoàn tại công ty liên kết.

Hợp nhất kinh doanh

Hợp nhất kinh doanh được hạch toán theo phương pháp mua tại ngày mua, là ngày mà quyền kiểm soát được chuyển giao cho Tập đoàn. Quyền kiểm soát tồn tại khi Tập đoàn có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của đơn vị nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của đơn vị đó. Việc đánh giá quyền kiểm soát có xét đến quyền bỏ phiếu tiềm năng có thể thực hiện được tại thời điểm hiện tại.

2. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

Việc ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá trong kỳ được thực hiện theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ kế toán doanh nghiệp.

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và có kỳ hạn, tiền đang chuyển, vàng tiền tệ. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành tiền cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

4. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính:

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn:

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm: các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn (bao gồm cả các loại tín phiếu, kỳ phiếu), trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi bên phát hành bắt buộc phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận ban đầu theo giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua các khoản đầu tư. Sau khi nhận ban đầu, các khoản đầu tư này được ghi nhận theo giá trị có thể thu hồi. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Khi có các bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được và số tồn thất được xác định một cách đáng tin cậy thì tồn thất được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm và giảm trừ trực tiếp giá trị đầu tư.



4.1 Các khoản cho vay:

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

4.2 Các khoản đầu tư vào công ty con, Công ty liên doanh, liên kết

Công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Công ty liên doanh

Công ty liên doanh là doanh nghiệp được thành lập trên cơ sở thỏa thuận trên hợp đồng mà theo đó Công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của công ty liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên tham gia liên doanh.

Công ty liên kết

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

Các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được/được ghi nhận theo mệnh giá.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết được trích lập khi công ty con, công ty liên doanh, liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con, công ty liên doanh, liên kết. Nếu công ty con, công ty liên doanh, liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con, công ty liên doanh, liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

4.3 Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác:

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Tập đoàn không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Nguyên tắc kế toán nợ phải thu:

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu nội bộ phản ánh các khoản phải thu các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua - bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

6. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho:

6.1 Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho:

Hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên liệu vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hoá nguyên liệu vật liệu thành thành phẩm.

6.2 Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho cuối kỳ: Giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp thực tế đích danh.

6.3 Phương pháp hạch toán hàng tồn kho: Công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên.

6.4 Lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Đối với dịch vụ cung cấp dở dang, việc lập dự phòng giảm giá được tính theo từng loại dịch vụ có



mức giá riêng biệt. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Nguyên tắc kế toán và khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình, TSCĐ thuế tài chính, bất động sản đầu tư:

7.1 Nguyên tắc kế toán TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

- Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.
- Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.
- Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng và tuân thủ theo tỷ lệ khấu hao được xác định theo quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính.

7.2 Tài sản cố định thuế tài chính

Thuế tài sản được phân loại là thuế tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuế. Tài sản cố định thuế tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuế tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuế tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuế tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Tập đoàn sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định thuế tài chính như sau:

7.3 Nguyên tắc kế toán bất động sản đầu tư:

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

8. Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước:

Các loại chi phí trả trước nếu chỉ liên quan đến năm tài chính hiện tại thì được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

9. Nguyên tắc kế toán nợ phải trả và chi phí phải trả:

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả, phải trả nội bộ và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả nội bộ phản ánh các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

10. Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả:

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu:

11.1 Vốn góp của chủ sở hữu:

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông, chủ sở hữu.

11.2 Thặng dư vốn cổ phần:

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

11.3 Vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn khác được hình thành do bổ sung từ kết quả hoạt động kinh doanh, đánh giá lại tài sản và giá trị còn lại giữa giá trị hợp lý của các tài sản được tặng, biếu, tài trợ sau khi trừ các khoản thuế phải nộp (nếu có) liên quan đến các tài sản này.

11.4 Cổ phiếu quỹ:

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục "Thặng dư vốn cổ phần".

12. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu:

12.1 Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm:

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;



- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

12.2 Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

12.3 Doanh thu hoạt động tài chính:

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

13. Nguyên tắc kế toán chi phí tài chính:

Chi phí hoạt động tài chính bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính, chi phí cho vay và đi vay vốn, chi phí góp vốn liên doanh, liên kết, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán; Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

Không hạch toán vào chi phí tài chính những nội dung chi phí sau đây:

- Chi phí phục vụ cho việc sản xuất sản phẩm, cung cấp dịch vụ;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp;
- Chi phí kinh doanh bất động sản;
- Chi phí đầu tư xây dựng cơ bản;
- Các khoản chi phí được trang trải bằng nguồn kinh phí khác;
- Chi phí khác.

Chi phí phát hành trái phiếu được phân bổ dần phù hợp với kỳ hạn trái phiếu và được ghi nhận vào chi phí tài chính nếu việc phát hành trái phiếu cho mục đích sản xuất, kinh doanh thông thường.

Lãi phải trả của trái phiếu chuyển đổi được tính vào chi phí tài chính trong kỳ được xác định bằng cách lấy giá trị phần nợ gốc đầu kỳ của trái phiếu chuyển đổi nhân (x) với lãi suất của trái phiếu tương tự trên thị trường nhưng không có quyền chuyển đổi thành cổ phiếu hoặc lãi suất đi vay phổ biến trên thị trường tại thời điểm phát hành trái phiếu chuyển đổi

Nếu cổ phiếu ưu đãi được phân loại là nợ phải trả, khoản cổ tức ưu đãi đó về bản chất là khoản lãi vay và phải được ghi nhận vào chi phí tài chính.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại:

14.1 Thuế TNDN hiện hành:

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển

14.2 Thuế TNDN hoãn lại:

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoãn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế;
- Đối với cùng một đơn vị chịu thuế;

Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

15. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

16. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	1.450.963.885	425.060.043
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	8.409.797.748	16.114.357.025
Các khoản tương đương tiền (*)	872.000.000	48.150.773.449
<i>Trong đó, Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng</i>		-
- Ngân hàng TMCP Công Thương Việt Nam	872.000.000	872.000.000
- Ngân hàng TMCP Tiên Phong		47.278.773.449
Cộng	10.732.761.633	64.690.190.517

2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và đầu tư góp vốn vào đơn vị khác. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngắn hạn	52.575.501.268	52.575.501.268	73.571.305.616	73.571.305.616
Tiền gửi có kỳ hạn	52.575.501.268	52.575.501.268	73.571.305.616	73.571.305.616
Dài hạn	76.680.000.000	76.680.000.000	76.680.000.000	76.680.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn	51.050.000.000	51.050.000.000	51.050.000.000	51.050.000.000
Trái phiếu	25.630.000.000	25.630.000.000	25.630.000.000	25.630.000.000
Cộng	129.255.501.268	129.255.501.268	150.251.305.616	150.251.305.616

2b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	194.393.397.588	-	67.500.000.000	-
Công ty CP Phát triển KD TM Sài Gòn 168 ⁽ⁱ⁾	194.393.397.588	-	-	-
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tỉnh Phát Vina	-	-	67.500.000.000	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	120.496.100.000	-	120.496.100.000	-
Công ty Cổ phần Phát triển nhà Vũng Tàu ⁽ⁱⁱ⁾	120.000.000.000	-	120.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Nahaviwei Miền Bắc ⁽ⁱⁱⁱ⁾	496.100.000	-	496.100.000	-
Cộng	314.889.497.588	-	187.996.100.000	-

(i) Khoản đầu tư vào công ty liên kết - Công ty CP Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168 được ghi nhận theo phương pháp vốn chủ sở hữu.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3502401667 ngày 26 tháng 7 năm 2019 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Phát triển nhà Vũng Tàu 120.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ.

(iii) Công ty không có ảnh hưởng đáng kể đến các hoạt động kinh doanh của Công ty CP Nahaviwei Miền Bắc nên khoản đầu tư này được trình bày ở khoản đầu tư vào đơn vị khác.

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải thu khách hàng là các bên liên quan</i>	<i>3.526.392.335</i>	<i>7.313.673.557</i>
Công ty CP Phát triển KD TM Sài Gòn 168	1.110.159.835	1.082.776.880
Công ty CP Thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa	2.416.232.500	6.230.896.677
Phải thu khách hàng chiếm từ 10% trở lên trên tổng phải thu khách hàng	297.769.693.653	506.635.969.592
Công ty cổ phần Tập đoàn thép Nguyễn Minh	152.055.476.485	97.429.303.967
Công ty cổ phần sản xuất và thương mại thép Nguyễn Minh	34.716.493.921	91.379.308.137
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Tỉnh Phát Vina	110.997.723.247	317.827.357.488
<i>Phải thu khách hàng khác</i>	<i>263.653.892.576</i>	<i>457.106.556.058</i>
- Các đối tượng khác	263.653.892.576	457.106.556.058
Cộng	564.949.978.564	971.056.199.207

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Xây dựng Minh Tùng	-	10.140.000.000
Công ty TNHH Xây dựng Công trình Điện và Kinh doanh Vật tư 621	-	8.000.000.000
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Long Bình	-	6.412.120.000
Chi nhánh Công ty TNHH Thép Hòa Phát - Hưng yên	26.372.685	1.668.802.795
Các khách hàng khác	983.204.383	3.970.410.333
Cộng	1.009.577.068	30.191.333.128

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<i>Phải thu khác là các bên liên quan</i>	<i>37.002.892.000</i>	-	<i>7.892.681.000</i>	-
Nguyễn Quang Hòa	32.502.892.000	-	7.892.681.000	-
Công ty CP Thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa	3.900.000.000	-	-	-
Công ty CP Phát triển KD TM Sài Gòn 168	600.000.000	-	-	-
Phải thu các tổ chức và cá nhân khác	13.055.224.859	-	143.645.779.576	-
Phải thu người lao động	133.142.886	-	655.001.969	-
Lãi dự thu	1.936.584.957	-	3.631.534.806	-
Kỳ quỹ, kỳ cược	160.600.000	-	55.208.000.000	-
Quỹ Hội đồng quản trị chi vượt nguồn	9.046.138.537	-	7.546.615.685	-
Phải thu ngắn hạn khác	1.778.758.479	-	76.604.627.116	-
Cộng	50.058.116.859	-	151.538.460.576	-

5b. Phải thu dài hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Kỳ cược, kỳ quỹ	6.613.487.718	-	6.401.469.576	-
Các khoản phải thu dài hạn khác	182.608.722	-	175.450.066	-
Cộng	6.796.096.440	-	6.576.919.642	-

6. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	573.475.516	-	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	958.656.564	-	993.278.592	-
Công cụ, dụng cụ	64.878.818	-	99.643.964	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	442.554.555	-	800.653.591	-
Thành phẩm	3.562.828.638	-	955.717.913	-



Hàng gửi đi bán	-	-	70.142.284	-
Hàng hóa	1.113.114.885.561	(412.135.250)	985.441.983.367	(4.616.815.037)
Trong đó				
- Giá mua hàng hóa	1.050.504.708.678	(412.135.250)	933.543.830.022	(4.616.815.037)
- Hàng hóa biếu tặng	176.000.000	-	228.231.100	-
- Hàng hóa bất động sản	62.434.176.883	-	32.669.922.445	-
Cộng	1.118.717.279.652	(412.135.250)	989.361.419.911	(4.616.815.037)

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	4.616.815.037	-
Trích lập dự phòng bổ sung trong kỳ	388.727.923	4.616.815.037
Hoàn nhập dự phòng trong kỳ	(4.593.407.710)	-
Số cuối kỳ	412.135.250	4.616.815.037

7. Chi phí trả trước

7a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	48.270.004	185.285.951
Chi phí thi công, sửa chữa	253.268.500	290.696.456
Phí Upas LC	-	3.173.618.078
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	199.922.731	1.515.082.153
Cộng	501.461.235	5.164.682.638

7b. Chi phí trả trước dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	7.904.720	33.080.400
Chi phí thi công, sửa chữa	975.765.385	2.138.000.996
Phí chuyển nhượng quyền thuê MB	541.666.682	791.666.678
Phí bảo hiểm bảo an tín dụng	3.100.000.000	-
Các chi phí trả trước dài hạn khác	249.143.118	372.072.629
Cộng	4.874.479.905	3.334.820.703

8. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	14.903.899.727	27.379.455.013	10.004.779.604	103.618.190	52.391.752.534
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	-	2.026.177.582	-	2.026.177.582
Mua sắm TSCĐ trong kỳ	-	-	19.551.143	-	19.551.143
Thanh lý TSCĐ trong kỳ	-	(81.804.545)	(2.924.690.182)	-	(3.006.494.727)
Số cuối kỳ	14.903.899.727	27.297.650.468	9.125.818.147	103.618.190	51.430.986.532

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Trong đó: Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	4.463.982.854	17.530.013.556	2.045.728.725	88.278.000	24.128.003.135

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	10.157.981.061	18.594.859.501	6.976.021.372	75.196.990	35.804.058.924
Khấu hao trong kỳ	853.094.532	1.252.119.938	978.731.656	8.374.652	3.092.320.778
Thanh lý TSCĐ trong kỳ	-	-	(2.924.690.182)	-	(2.924.690.182)
Chuyển từ TSCĐ thuê tài chính sang	-	-	2.026.177.582	-	2.026.177.582
Số cuối kỳ	11.011.075.593	19.846.979.439	7.056.240.428	83.571.642	37.997.867.102

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	4.745.918.666	8.784.595.512	3.028.758.222	28.421.200	16.587.693.600
Số cuối kỳ	3.892.824.134	7.450.671.029	2.069.577.719	20.046.548	13.433.119.430

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 11.486.731.768 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.20a).

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Tài sản cố định thuê tài chính của Công ty chỉ có phương tiện vận tải, truyền dẫn; chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	2.026.177.582	1.575.915.908	450.261.674
Khấu hao trong kỳ	-	450.261.674	-
Chuyển sang TSCĐ hữu hình	(2.026.177.582)	(2.026.177.582)	-
Số cuối kỳ	-	-	-

- Điều khoản gia hạn thuê hoặc quyền được mua tài sản: Căn cứ hợp đồng thuê tài sản số 320/80971 ngày 10 tháng 08 năm 2020 giữa Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Challease với Công ty CP TM XNK Thiên Nam. Trong năm Công ty đã mua lại tài sản trên.

10. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chi phí san lấp mặt bằng	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	25.255.147.500	2.620.320.917	319.531.500	28.194.999.917
Số cuối kỳ	25.255.147.500	2.620.320.917	319.531.500	28.194.999.917

Trong đó: Nguyên giá TSCĐ vô hình cuối kỳ đã khấu hao hết nhưng vẫn

	Quyền sử dụng đất	Chi phí san lấp mặt bằng	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	960.706.605	319.531.500	1.280.238.105
Số cuối kỳ	-	960.706.605	319.531.500	1.280.238.105

	Quyền sử dụng đất	Chi phí san lấp mặt bằng	Phần mềm máy tính	Cộng
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	25.255.147.500	1.659.614.312	-	26.914.761.812
Số cuối kỳ	25.255.147.500	1.659.614.312	-	26.914.761.812

- Một số tài sản cố định vô hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 25.255.147.500 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh (xem thuyết minh số V.20a).

11. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư của Công ty chỉ có Nhà và quyền sử dụng đất; chi tiết như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	106.202.325.022	40.906.211.875	65.296.113.147
Khấu hao trong kỳ	-	4.167.861.096	-
Số cuối kỳ	106.202.325.022	45.074.072.971	61.128.252.051

- Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê hoặc nắm giữ chờ tăng giá: 2.005.797.381 đồng.

- Toàn bộ bất động sản đầu tư có giá trị còn lại theo sổ sách là 61,128,252,051 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay ngắn hạn (xem thuyết minh số V.20a).

Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ tài chính như sau:

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Nhà, Số 451- 453 Nguyễn Tri Phương	141.035.215	141.035.215	-
Nhà, Số 01 - 03 Ngô Gia Tự	225.346.533	209.196.668	16.149.865
Nhà, Số 355 - 365 Ngô Gia Tự	1.090.075.017	868.668.702	221.406.315
Nhà, Số 192 - 198 Ngô Gia Tự	523.520.568	486.001.711	37.518.857
Nhà, Số 07 - 09 Lý Thái Tổ	59.117.794	59.117.794	-
Văn phòng làm việc, Số 355 Ngô Gia Tự	291.231.724	232.079.241	59.152.483
Văn phòng làm việc, Số 192 - 198 Ngô Gia Tự	1.627.213.182	1.627.213.182	-
Văn phòng làm việc, Số 451-453 Nguyễn Tri Phương	178.431.199	178.431.199	-
Tòa nhà cao ốc văn phòng, Số 111 - 121 Ngô Gia Tự	22.794.709.320	12.076.427.608	10.718.281.712
Cửa hàng KD và Văn phòng, Số 277B CMT 8	79.271.644.479	29.195.901.660	50.075.742.819
Cộng	106.202.325.022	45.074.072.971	61.128.252.051



12. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư TM So Ho Nữ Ước	299.090.852.082	-
Công ty Cổ phần Giao nhận Hàng Quốc Tế	266.284.462.067	-
CN Công ty TNHH Marubeni - Itochu Steel VN tại TP.HCM	25.808.969.799	215.446.784.185
Công ty TNHH Hanwa Việt Nam	82.166.602.042	59.705.740.789
<i>Phải trả cho các đối tượng khác</i>	<i>239.372.457.795</i>	<i>185.839.404.466</i>
Cộng	912.723.343.785	460.991.929.440

13. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Đầu tư Quốc tế Liên Hiệp Quốc	36.870.147.194	36.870.147.194
Công ty TNHH TM & SX Cơ Khí Long Thịnh	-	6.480.000.000
Các khách hàng khác	140.300.497	12.087.812.150
Cộng	37.010.447.691	55.437.959.344

14. Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng bán nội địa	9.461.867.478	3.975.183.877	(10.613.402.448)	2.823.648.907
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	10.702.597.625	(10.702.597.625)	-
Thuế tiêu thụ đặc biệt	-	82.593.859	(82.593.859)	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	95.418.898	(95.430.779)	(11.881)
Thuế thu nhập doanh nghiệp	11.411.745.725	2.825.727.135	(12.470.697.586)	1.766.775.274
Thuế thu nhập cá nhân	947.104.441	908.020.979	(1.306.513.066)	417.808.796
Tiền thuế đất	-	1.279.533.664	(1.279.533.664)	-
Các loại thuế khác	309.083.479	178.063.685	(410.673.032)	111.559.132
Cộng	22.129.801.123	20.947.139.722	(36.961.442.059)	5.119.780.228
Trong đó:				
Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	870.933.426			873.309.557
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	23.000.734.549			5.993.089.785
	22.129.801.123			5.119.780.228

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Hàng hóa xuất khẩu	0%
- Doanh thu nước	5%
- Hàng hóa tiêu thụ nội địa và dịch vụ khác	10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế tiêu thụ đặc biệt

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

15. Phải trả người lao động

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền lương phải trả	444.556.483	1.541.761.649
Cộng	444.556.483	1.541.761.649

16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí lãi vay phải trả	2.021.078.552	1.776.549.648
Chi phí thuế TNCN nộp thay	517.000.000	296.541.668
Trích trước tiền chậm nộp tiền thuế đất truy thu mặt bằng 111-121 NGT 2017-2022	-	415.461.242
Trích trước chi phí Upas LC	14.503.482.020	-
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	280.462.696	439.181.125
Cộng	17.322.023.268	2.927.733.683

17. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền nhận trước học phí mầm non	958.780.163	800.335.498
Tiền trả trước về cho thuê bất động sản đầu tư	148.921.815	25.592.424
Cộng	1.107.701.978	825.927.922

18. Phải trả khác

18a. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>-</i>	<i>37.075.000.000</i>
Ông Nguyễn Quang Hòa	-	31.575.000.000
Bà Trần Thị Minh Trang	-	5.000.000.000
Công ty Cổ phần Thương mại Dịch vụ Thiên Nam Hòa	-	500.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>188.519.527.775</i>	<i>234.918.900.462</i>
Ngân hàng TMCP Sài Gòn- Bảo lãnh thanh toán	185.903.598.838	185.903.598.838
Công ty Cổ phần Đầu tư Thương mại So Ho Nữ Ước	560.000.000	21.577.000.000
Ông Hồ Nam Huy- đầu tư dự án suối Rao	-	15.000.000.000
Công ty Cổ phần Giao nhận hàng quốc tế	240.000.000	8.440.000.000
Phạm Thị Kim Trâm	-	1.450.000.000
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	133.410.000	197.470.000
Lãi vay phải trả	13.012.865	32.878.100
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	1.669.506.072	2.317.953.524
Cộng	188.519.527.775	271.993.900.462

18b. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan - Nhận ký quỹ dài hạn</i>	<i>-</i>	<i>17.000.000.000</i>
Công ty TNHH thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa	-	17.000.000.000
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	<i>10.018.952.675</i>	<i>9.653.273.675</i>
Các đối tượng khác-Nhận ký quỹ dài hạn	10.018.952.675	9.653.273.675
Cộng	10.018.952.675	26.653.273.675

19. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	728.319.611	-	(297.323.624)	430.995.987
Quỹ phúc lợi	(976.227.895)	1.752.971.640	(788.931.500)	(12.187.755)
Quỹ thưởng Ban quản lý, điều hành	(7.298.707.401)	876.485.820	(3.042.725.188)	(9.464.946.769)
Cộng	(7.546.615.685)	2.629.457.460	(4.128.980.312)	(9.046.138.537)



20. Vay và nợ thuê tài chính

20a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ
		Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn trong kỳ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.239.030.274.588	2.467.372.757.097	(3.154.851.396.410)	-	551.551.635.275
- Ngân hàng Vietinbank - CN10, TP. Hồ Chí Minh	111.424.345.997	360.735.974.894	(472.160.320.891)	-	-
- Ngân hàng BIDV - CN TP. Hồ Chí Minh	397.821.464.382	873.040.000.272	(910.513.832.384)	-	360.343.632.270
- Ngân hàng VPBank - CN TP. Hồ Chí Minh	149.850.318.484	245.833.363.915	(277.818.457.355)	-	117.865.225.044
- Ngân hàng TPBank - CN Bến Thành	474.491.480.704	764.879.900.054	(1.239.281.290.758)	-	90.090.000
- Ngân hàng TMCP Quốc tế Việt Nam	26.299.994.325	10.000.000.000	(36.299.994.325)	-	-
- Ngân hàng Sino Pac - CN TP. Hồ Chí Minh	43.992.151.825	92.622.045.645	(121.757.305.275)	-	16.856.892.195
- Ngân hàng Quân Đội	4.999.990.743	16.638.000.000	(4.999.997.109)	-	16.637.993.634
- Vay Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hóc Môn	28.150.528.128	103.623.472.317	(92.018.198.313)	-	39.755.802.132
Vay ngắn hạn khác	3.114.000.000	69.092.000.000	(55.812.709.433)	-	16.393.290.567
Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 2)	1.742.006.712	179.366.605	(1.009.373.317)	97.500.000	1.009.500.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease)	443.071.150	-	(443.071.150)	-	-
Cộng	1.244.329.352.450	2.536.644.123.702	(3.212.116.550.310)	97.500.000	568.954.425.842

Tổng hợp số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ
		Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn trong kỳ	
Vay ngắn hạn ngân hàng	1.239.030.274.588	2.467.372.757.097	(3.154.851.396.410)	-	551.551.635.275
Vay ngắn hạn khác	3.114.000.000	69.092.000.000	(55.812.709.433)	-	16.393.290.567
Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 2)	1.742.006.712	179.366.605	(1.009.373.317)	97.500.000	1.009.500.000
Nợ thuê tài chính đến hạn trả (Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế Chailease)	443.071.150	-	(443.071.150)	-	-
Cộng	1.244.329.352.450	2.536.644.123.702	(3.212.116.550.310)	97.500.000	568.954.425.842

20b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số đầu năm	Số phát sinh trong kỳ			Số cuối kỳ
		Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Kết chuyển từ vay dài hạn	
Vay ngắn hạn ngân hàng	2.237.616.159	-	-	(179.366.605)	2.058.249.554
- Vay Ngân hàng BIDV - Chi nhánh Hóc Môn	2.237.616.159	-	-	(179.366.605)	2.058.249.554
Vay dài hạn đến hạn trả (Ngân hàng TMCP Quân đội - SGD 2)	186.875.000	-	-	(97.500.000)	89.375.000
Cộng	2.424.491.159	-	-	(276.866.605)	2.147.624.554

21. Các khoản mục ngoài bảng cân đối kế toán

* Ngoại tệ các loại	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- USD	1.425,04	5.004,24
Cộng	1.425,04	5.004,24

22. Vốn chủ sở hữu

22a. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tỷ lệ	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Vốn góp của các đối tượng khác	100%	495.762.640.000	495.762.640.000
Cộng	100%	495.762.640.000	495.762.640.000

22b. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	495.762.640.000	495.762.640.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ		
+ Vốn góp giảm trong kỳ		
+ Vốn góp cuối kỳ	495.762.640.000	495.762.640.000
- Cổ tức lợi nhuận đã chia		

22c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	49.576.264	49.576.264
- Số lượng cổ phiếu bán ra công chúng	49.576.264	49.576.264
+ Cổ phiếu phổ thông	49.576.264	49.576.264
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	344.954	344.954
+ Cổ phiếu phổ thông	344.954	344.954
+ Cổ phiếu ưu đãi		
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	49.231.310	49.231.310
+ Cổ phiếu phổ thông	49.231.310	49.231.310
+ Cổ phiếu ưu đãi		

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ/CP

22d. Cổ tức

- Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc kỳ kế toán
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu phổ thông
- + Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu ưu đãi
- Cổ tức của cổ phiếu ưu đãi lũy kế chưa được ghi nhận

21d. Các quỹ của doanh nghiệp

- Quỹ đầu tư và phát triển	31.763.082.105	31.763.082.105
----------------------------	----------------	----------------



22a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Lợi ích cổ đông không kiểm soát	Cộng
Số dư đầu năm trước	495.762.640.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	58.545.326.758	2.075.130.323	583.202.007.523
Tăng vốn trong kỳ trước	-	-	-	-	-	(7.050.000.000)	(7.050.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	-	-	15.608.097.000	(4.093.063.610)	11.515.033.390
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ trước	-	-	-	-	(2.727.982.031)	-	(2.727.982.031)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát trong kỳ trước	-	-	-	-	(1.363.991.016)	-	(1.363.991.016)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ trước	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Tăng giảm khác trong kỳ trước	-	-	-	-	(4.971.536.420)	4.971.536.420	-
Số dư cuối kỳ trước	495.762.640.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	64.089.914.291	(4.096.396.867)	579.575.067.866
Số dư đầu năm nay	495.762.640.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	64.089.914.291	(4.096.396.867)	579.575.067.866
Tăng vốn trong kỳ này	-	-	-	-	-	(7.900.000.000)	(7.900.000.000)
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	-	-	838.331.767	(783.583.697)	54.748.070
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi trong kỳ này	-	-	-	-	(1.752.971.640)	-	(1.752.971.640)
Trích quỹ hoạt động Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát trong kỳ này	-	-	-	-	(876.485.820)	-	(876.485.820)
Trích quỹ tham gia công tác xã hội trong kỳ này	-	-	-	-	(1.000.000.000)	-	(1.000.000.000)
Điều chỉnh thuế TNDN truy thu từ 2019-2022 trong kỳ này	-	-	-	-	(2.443.653.712)	-	(2.443.653.712)
Ảnh hưởng do thoái vốn từ công ty con thành công ty liên kết trong kỳ	-	-	-	-	14.729.123.100	-	14.729.123.100
Điều chỉnh do thay đổi tỷ lệ sở hữu không kiểm soát trong kỳ này	-	-	-	-	(7.725.059.780)	7.725.059.780	-
Điều chỉnh khoản trích lập DP do thay đổi tỷ lệ sở hữu không kiểm soát trong kỳ này	-	-	-	-	1.291.628.948	-	1.291.628.948
Số dư cuối kỳ này	495.762.640.000	4.034.353.637	(11.978.525.300)	31.763.082.105	67.198.227.154	(5.054.320.784)	581.677.456.812

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Doanh thu bán hàng hóa	736.483.487.700	1.663.188.028.616
Doanh thu kinh doanh bất động sản đầu tư	13.655.155.312	13.081.782.651
Doanh thu dịch vụ khác	3.462.944.334	4.008.716.276
Cộng	753.601.587.346	1.680.278.527.543

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Hàng bán bị trả lại	292.096.800	54.975.020
Giảm giá hàng bán	-	311.971
Cộng	292.096.800	55.286.991

3. Giá vốn hàng bán

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Giá vốn của hàng hóa đã bán	711.840.158.307	1.638.167.669.544
Giá vốn của hoạt động kinh doanh bất động sản	4.672.915.606	4.867.856.583
Giá vốn của dịch vụ khác	2.184.395.378	2.764.819.151
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	388.727.923	-
Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(126.047.361)	-
Cộng	718.960.149.853	1.645.800.345.278

4. Doanh thu hoạt động tài chính

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	3.668.677.108	3.717.970.328
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.011.251	14.897.063
Lãi đầu tư trái phiếu	286.388.294	584.674.761
Lãi chậm thanh toán	2.059.751.422	9.752.410.828
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	(66.541.677)	160.978.890
Lãi chênh lệch tỷ giá đo đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	81.113.710	269.400.862
Cộng	6.037.400.108	14.500.232.732

5. Chi phí tài chính

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Chi phí lãi vay	25.171.789.236	28.286.090.063
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	252.652.980	967.372.357
Cộng	24.014.737.314	29.253.462.420



6. Chi phí bán hàng

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Chi phí cho nhân viên	2.481.563.015	3.985.393.406
Chi phí vật liệu, bao bì	45.663.389	160.307.757
Chi phí khấu hao tài sản cố định	270.986.566	297.240.516
Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.252.214.898	4.852.012.413
- Chi phí tiện ích	140.972.280	151.534.834
- Chi phí thuê kho	774.902.702	557.844.240
- Chi phí dịch vụ ngân hàng	2.821.482	262.948.874
- Chi phí nhận hàng tự doanh	330.748.392	3.819.904.688
- Chi phí dịch vụ mua ngoài khác	2.770.042	59.779.777
Các chi phí bằng tiền khác	1.334.908.782	3.305.963.254
Cộng	5.385.336.650	12.600.917.346

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Chi phí cho nhân viên	2.166.378.840	3.578.080.247
Chi phí vật liệu, bao bì	113.299.334	279.549.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	215.759.636	603.441.752
Chi phí dịch vụ mua ngoài	17.010.012.257	9.244.725.211
Các chi phí khác	201.260.360	909.178.198
Cộng	19.706.710.427	14.614.974.882

8. Thu nhập khác

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Lãi thanh lý, nhượng bán tài sản cố định	(324.423.315)	684.613.455
Tiền phạt vi phạm hợp đồng	41.920.000	-
Phí vận chuyển, bảo hiểm	-	428.511.214
Thu nhập khác	62.744.592	1.245.582.599
Cộng	(219.758.723)	2.358.707.268

9. Chi phí khác

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Lỗ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định, bất động sản đầu tư	(343.933.717)	-
Phạt vi phạm hành chính	8.000.000	-
Thuế bị phạt, bị truy thu	5.802.205	3.464.101
Phạt do vi phạm hợp đồng	414.077.806	(10.477.172)
Chi phí khác	59.369.776	(338.045)
Cộng	143.316.070	(7.351.116)

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.118.494.833	427.556.031
Chi phí nhân công	5.182.874.140	7.563.473.653
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.842.296.781	2.012.995.754
Chi phí dịch vụ mua ngoài	19.911.729.658	12.856.344.188
Chi phí khác	5.407.774.111	13.232.913.012
Cộng	34.463.169.523	36.093.282.638

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
- Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	(3.252.378.472)	236.089.393
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
- Điều chỉnh chi phí thuế TNDN của các năm trước vào chi phí thuế TNDN kỳ này	-	-
Cộng	(3.252.378.472)	236.089.393

12. Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp và Lợi nhuận sau thuế trong kỳ

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	(5.752.874.302)	(5.180.068.258)
- Các khoản điều chỉnh tăng	735.166.661	1.129.932.856
Thu nhập tính thuế	(5.017.707.641)	(4.050.135.402)
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	(3.252.378.472)	236.089.393
Tổng Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	-	-
Lợi nhuận sau thuế TNDN	(2.500.495.830)	(5.416.157.651)

13. Lãi trên cổ phiếu

13a. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	(4.176.305.470)	(3.740.569.769)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	751.734.985	673.302.558
Lợi nhuận tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	(3.424.570.485)	(3.067.267.211)
Số tương ứng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ	49.231.310	49.231.310
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(79)	(62)

VII. NHỮNG THÔNG TIN BỔ SUNG

I. Giao dịch giữa các bên liên quan:

1a. Các bên liên quan

Tên đơn vị	Mối quan hệ
Công ty TNHH Công nghệ phẩm Thiên Nam	Công ty con
Công ty CP Đầu tư Giáo Dục Thiên Nam	Công ty con
Công ty cổ phần Nahaviwei	Công ty con
Công ty Cổ phần Thương mại dịch vụ Thiên Nam Hòa	Cùng ban lãnh đạo
Công ty CP Phát triển KD TM Sài Gòn 168	Công ty liên kết
Công ty CP Phát triển nhà Vũng Tàu	Bên liên quan
Hội đồng quản trị, Ủy ban Kiểm toán nội bộ, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng	Ban điều hành và các nhân sự chủ chốt

1b. Trong Quý 4 năm 2023, Công ty có phát sinh nghiệp vụ với các bên có liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Công ty Cổ phần Phát triển Kinh doanh Thương mại Sài Gòn 168		
Cho thuê bất động sản đầu tư	-	21.114.000
Dịch vụ khác	-	2.646.120
Góp vốn	-	14.000.000.000
Công ty Cổ phần TM DV Thiên Nam Hòa		
Bán hàng hóa	2.196.755.000	101.818.182
Cho thuê bất động sản đầu tư	3.852.000.000	3.852.000.000
Cho mượn tiền	4.900.000.000	-
Hoàn trả tiền mượn	4.000.000.000	-

1c. Số dư của khoản phải thu, phải trả của các bên liên quan

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5a và V.18.

1d. Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt được hưởng trong kỳ như sau:

	Quý 4/2023	Quý 4/2022
Ông Nguyễn Quang Hòa - Chủ tịch Hội đồng quản trị	210.000.000	150.000.000
Ông Vương Quang Diệu - Thành viên Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	-	705.000.000
Ông Hồ Văn Tuyên - Thành viên Hội đồng quản trị, Chủ tịch Ủy ban kiểm toán	120.000.000	150.000.000
Bà Trần Thị Hiền - Thành viên Hội đồng quản trị	90.000.000	90.000.000
Bà Nguyễn Trần Thảo Hương - Thành viên Hội đồng quản trị	90.000.000	-
Bà Trần Thị Trang Bích lộc - Trợ lý Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	120.000.000
Ông Nguyễn Minh Thư - Phó Tổng Giám đốc	385.800.000	449.912.000
Ông Phạm Việt Đạt - Kế toán trưởng	159.000.000	561.458.000
Cộng	1.054.800.000	2.226.370.000

2. Báo cáo bộ phận

- Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý: Toàn lãnh thổ Việt Nam.
- Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh: Hoạt động chủ yếu của Công ty là kinh doanh thương mại, mua bán sắt thép nên không trình bày báo cáo bộ phận.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào khác phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính cần phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 26 tháng 01 năm 2024



Nguyễn Thị Thu Hiền
Người lập biểu



Phạm Việt Đạt
Kế toán trưởng



Nguyễn Quang Hòa
Chủ tịch Hội đồng quản trị



CTCP Thương mại Xuất nhập khẩu Thiên Nam

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 04 năm 2024

Người đại diện theo pháp luật

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Nguyễn Quang Hòa

CÔNG TY CỔ PHẦN THƯƠNG MẠI XUẤT NHẬP KHẨU THIÊN NAM

Mã chứng khoán: TNA

Trụ sở: 111-121 Ngô Gia Tự, Phường 2, Quận 10, Tp.HCM

Điện thoại: +84 28 3834 8980

Fax: (028) 3834 8983

Website: thiennamgroup.vn

Email: info@thiennamgroup.vn